

Số:405 /TB-SYT

Hải Phòng, ngày 24 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là
cơ sở hướng dẫn thực hành theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP**

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị của Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng tại Bản Công bố số 428/BCB-YHCTHP ngày 13/11/2025 và đối chiếu với các quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ, Sở Y tế thông báo về việc Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành như sau:

1. Tên cơ sở được công bố: BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN HẢI PHÒNG.

2. Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: số 17/2015/HP-GPHĐ. Cấp ngày: 28/7/2025. Nơi cấp: Sở Y tế.

3. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Quyết định số 471/QĐ-SYT ngày 23/5/2016; số 1381/QĐ-SYT ngày 21/12/2016; số 2146/QĐ-SYT ngày 31/8/2018; số 416/QĐ-SYT ngày 09/4/2019; số 497/QĐ-SYT ngày 09/5/2021; số 1515/QĐ-SYT ngày 09/11/2021; số 348/QĐ-SYT ngày 14/4/2023 của Sở Y tế về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng;

4. Địa chỉ: Tổ dân phố Cái Tắt, phường An Hải, thành phố Hải Phòng.

5. Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Thạc sĩ, Bác sĩ Đoàn Hải Nam.

6. Điện thoại: 0902 085682. Email: doanhainamyhct@gmail.com.

7. Chức danh được hướng dẫn thực hành:

- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng;
- Chức danh Y sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền;
- Chức danh Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng;

- Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng.

8. Danh sách người hướng dẫn thực hành và số lượng thực hành theo hồ sơ cơ sở công bố.

9. Trách nhiệm của cơ sở thực hành:

a) Cơ sở được tổ chức hướng dẫn thực hành khám chữa bệnh với các chức danh được công bố. Trong quá trình thực hiện đề nghị đơn vị thực hiện đúng quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, các quy định có liên quan và Công văn số 4096/SYT-TCHC ngày 09/8/2025 của Sở Y tế Hải Phòng.

Trường hợp cơ sở không thực hiện đúng quy định đảm bảo hướng dẫn thực hành, Sở Y tế tiến hành thu hồi Bản công bố và không công nhận kết quả thực hành.

b) Nếu có sự thay đổi nội dung so với hồ sơ công bố thì cơ sở gửi hồ sơ về Sở Y tế để tiến hành công bố lại;

c) Cơ sở hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thủ tục, nội dung và các điều kiện để hướng dẫn thực hành đảm bảo theo quy định;

d) Thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của cơ sở: danh sách người giảng dạy thực hành, số lượng, loại hình, ngành, chuyên ngành, trình độ đào tạo thực hành, số lượng tối đa người học thực hành có thể nhận, số lượng người học thực hành đang thực hành tại cơ sở.

(Đính kèm hồ sơ đề nghị Công bố của Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng)./.

Nơi nhận:

- GD và PGD SYT;
- BV YHCT HP;
- Các Phòng thuộc SYT;
- Công TTĐT SYT (đăng tải);
- Lưu: VT, TCHC (L.D.H-05b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Trinh

Số: 428 /BCB-YHCTHP

Hải Phòng, ngày 13 tháng 11 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là
cơ sở hướng dẫn thực hành theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP**

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng.

Số giấy phép hoạt động 17/2015/HP-GPHĐ Cơ quan cấp: Sở Y tế Hải Phòng ngày 28 tháng 7 năm 2025.

Địa chỉ: tổ dân phố Cái Tắt, phường An Hải, TP Hải Phòng.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: ThS BS Đoàn Hải Nam.

Điện thoại liên hệ: 0902085682. Email: doanhainamyhct@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Bác sỹ y học cổ truyền;
- Bác sỹ chuyên khoa phục hồi chức năng;
- Y sỹ y học cổ truyền;
- Điều dưỡng;
- Kỹ thuật y phục hồi chức năng.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: (Phụ lục kèm theo).

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có):

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về: Hồi sức cấp cứu, Nội khoa, Ngoại khoa, Da liễu với BV Hữu nghị Việt Tiệp.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về: Hồi sức cấp cứu với Trung tâm Y tế An Dương.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: (Phụ lục kèm theo).

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: (Phụ lục kèm theo).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Bản Công bố này thay thế cho Bản Công bố số 129/BCB-BVYHCT ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc công bố “Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP”.

Nơi nhận: 

- Sở Y tế;
- P.TCCB SYT;
- Lưu: VT, Phòng KHTH.



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

BSCKII - ThS: *Khổng Hữu Cường*

SỞ Y TẾ TP HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH (BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN, BÁC SĨ CHUYÊN KHOA PHCN, Y SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN, ĐIỀU DƯỠNG, KỸ THUẬT Y PHỤC HỒI CHỨC NĂNG)

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành số: ...44.../BCB-YHCTHP
ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh, chức vụ, vị trí việc làm	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Ghi chú
I	Bác sĩ Khoa Nội							
1	Nguyễn Tiến Dũng	28/2/1979	BS CKI Y học cổ truyền; BS đọc phim X-Q thường quy	PT Khoa nội	002850/HP-CCHN	30/11/2013	Bác sỹ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sỹ YHCT.
2	Phạm Mạnh Hùng	12/9/1994	BS CKI Y học cổ truyền	BSCKI y học cổ truyền	006094/HP-CCHN	30/7/2021	Bác sỹ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sỹ YHCT.
3	Đinh Thị Phượng	04/10/1984	BS CKI Y học cổ truyền	BSCKI y học cổ truyền	002278/HP-CCHN	30/9/2013	Bác sỹ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sỹ YHCT.
4	Nguyễn Thùy Liên	19/10/1995	BS Y học cổ truyền	Bác sỹ y học cổ truyền	012869/HP-CCHN	04/10/2022	Bác sỹ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sỹ YHCT.
II	Bác sĩ khoa Khám bệnh và Khoa Ngũ Quan							
1	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	5/7/1980	BS CKI Y học cổ truyền; BS CK ĐH Mắt; BS CK ĐH Răng-hàm-mặt	BS CKI Y học cổ truyền; CK Mắt; CK Răng hàm mặt – PT khoa Ngũ quan	001045/HP-CCHN	5/11/2012	Bác sỹ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sỹ YHCT, Điều dưỡng.

2	Phạm Thị Thủy	28/6/1983	BS CKI Y học cổ truyền; BS CK ĐH Tai – mũi – họng	Bác sĩ y học cổ truyền; CK Tai mũi họng	001117/HP-CCHN	21/11/2012	Bác sĩ y học cổ truyền; Bác sĩ CK Tai mũi họng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ YHCT, Điều dưỡng.
3	Nguyễn Thị Thanh Loan	15/01/1988	BS CKI Y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	006975/HP-CCHN	1/4/2015	Bác sĩ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ YHCT YHCT.
4	Nguyễn Hà Giang	15/5/1992	BS Y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	013009/HP-CCHN	01/02/2023	Bác sĩ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ YHCT.
III Bác sĩ Khoa Châm cứu – DS								
1	Cao Thanh Phong	18/12/1974	BS CKI Y học cổ truyền; BS CK ĐH phục hồi chức năng	PT Khoa CC-DS	002258/HP-CCHN	30/9/2013	Bác sĩ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ PHCN, Y sĩ YHCT.
2	Vũ Thanh Hương	04/11/1988	BS CKI Y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	006136/HP-CCHN	08/7/2014	Bác sĩ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ YHCT.
3	Vũ Hoàng Việt	14/01/1988	BS CKI Y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	010477/HP-CCHN	22/6/2018	Bác sĩ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ YHCT.
4	Đoàn Hải Nam	20/7/1972	ThS châm cứu; BS CK ĐH Y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	002288/HP-CCHN	30/9/2013	Bác sĩ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ YHCT.
IV Bác sĩ Khoa VLTL-PHCN								
1	Vũ Hữu Tuyên	26/12/1984	BS CKI Y học cổ truyền; BS CK ĐH phục hồi chức năng	Bác sĩ y học cổ truyền; BS CK ĐH phục hồi chức năng	008572/HP-CCHN	06/01/2016	Bác sĩ y học cổ truyền; BS CK ĐH phục hồi chức năng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ PHCN, Y sĩ YHCT.
2	Phạm Thanh Tùng	28/12/1984	BS CKI Y học cổ truyền; BS CK ĐH phục hồi chức năng	Bác sĩ y học cổ truyền; BS CK ĐH phục hồi chức năng – PT khoa VLTL-PHCN	003514/HP-CCHN	02/01/2014	Bác sĩ y học cổ truyền; BS CK ĐH phục hồi chức năng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ PHCN, Y sĩ YHCT.

3	Đoàn Thị Minh Nguyệt	04/01/1991	BS CKI Y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	001309/HP-CCHN	31/03/2017	Bác sĩ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ YHCT.
V	Khoa Ngoại-phụ							
1	Phạm Trung Hà	27/10/1978	BS Y học cổ truyền; BS CKI Ngoại – PT Khoa Ngoại	BS Y học cổ truyền; BS CKI Ngoại	002296/HP-CCHN	30/9/2013	BS Y học cổ truyền; BS CKI Ngoại	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ YHCT.
2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	07/4/1984	BS CKI Y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	000125/HP-CCHN	31/3/2017	Bác sĩ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ YHCT.
3	Đào Quang Hải	05/04/1995	Bác sĩ y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	012880/HP-CCHN	10/10/2022	Bác sĩ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ YHCT.
4	Vũ Thị Thanh	11/5/1981	Bác sĩ y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	033283/BYT-CCHN	02/5/2018	Bác sĩ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ YHCT.
VI	Khoa Nhi-TB							
1	Đinh Tiến Minh	8/9//1973	Bác sĩ y học cổ truyền – PT khoa Nhi-TB	Bác sĩ y học cổ truyền	0014314/BYT-CCHN	30/5/2014	Bác sĩ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ YHCT.
2	Phạm Thị Minh Phương	17/8/1986	BS CKI Y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	002289/HP-CCHN	30/9/2013	Bác sĩ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ YHCT.
3	Nguyễn Đức Tùng	31/01/1994	BS CKI Y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	012350/HP-CCHN	19/7/2021	Bác sĩ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ YHCT.
4	Nguyễn Thúy Hằng	9/12/1993	Bác sĩ y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	011217/HP-CCHN	30/10/2019	Bác sĩ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ YHCT.
5	Nguyễn Thị Thu Hường	13/02/1995	Bác sĩ y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	012917/HP-CCHN	07/11/2022	Bác sĩ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ YHCT.
6	Vũ Thị Bình	27/4/1996	Bác sĩ y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	012870/HP-CCHN	04/10/2022	Bác sĩ y học cổ truyền	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ YHCT.
VII	Điều dưỡng							

1	Phạm Thị Huyền	29/9/1974	ĐH điều dưỡng	Trưởng phòng điều dưỡng	002286/HP-CCHN	15/6/2023	Điều dưỡng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Điều dưỡng
2	Bùi Thị Thu Hằng	18/10/1982	CN Điều dưỡng	Phó Trưởng phòng điều dưỡng	002290/HP-CCHN	15/06/2023	Điều dưỡng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Điều dưỡng
3	Nguyễn Thị Thanh Tâm	23/11/1982	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng	008817/HP-CCHN	10/04/2016	Điều dưỡng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Điều dưỡng
4	Nguyễn Thị Liên	20/11/1983	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng	005668/HP-CCHN	15/06/2023	Điều dưỡng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Điều dưỡng
5	Đào Thị Hoa	20/06/1979	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng	002273/HP-CCHN		Điều dưỡng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Điều dưỡng
6	Trương Thị Hiên	09/01/1976	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng	001059/HP-CCHN	15/06/2023	Điều dưỡng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Điều dưỡng
7	Vũ Hồng Khánh	02/08/1970	ĐH Điều dưỡng	Điều dưỡng	002268/HP-CCHN	15/06/2023	Điều dưỡng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Điều dưỡng
8	Nguyễn Thị Luyến	20/04/1987	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng	008997/HP-CCHN	21/06/2016	Điều dưỡng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Điều dưỡng
9	Trần Thị Thúy Hạnh	22/11/1979	ĐH Điều dưỡng	Điều dưỡng	002260/HP-CCHN	15/06/2023	Điều dưỡng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Điều dưỡng
10	Phạm Như Hòa	18/05/1983	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng	003937/HP-CCHN	15/06/2023	Điều dưỡng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Điều dưỡng
11	Đào Thị Duyên	18/04/1978	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng	001065/HP-CCHN	15/06/2023	Điều dưỡng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Điều dưỡng
12	Phạm Viết Duân	08/02/1970	CN Điều dưỡng/KTV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng	002291/HP-CCHN	15/06/2023	Điều dưỡng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Điều dưỡng; KTV Phục hồi chức năng
13	Lương Thị Trang	09/01/1984	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng	003931/HP-CCHN	15/06/2023	Điều dưỡng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Điều dưỡng
14	Đoàn Thị Thu Nga	19/01/1979	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng	002852/HP-CCHN	30/11/2013	Điều dưỡng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Điều dưỡng
15	Nguyễn Thị Thanh Hương	20/03/1973	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng	002283/HP-CCHN	15/06/2023	Điều dưỡng	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Điều dưỡng
VIII Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng								
1	Trần Anh Thanh	18/11/1990	Kỹ thuật viên PHCN	Kỹ thuật viên	002247/HP-CCHN	30/09/2013	Kỹ thuật viên	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng

2	Ngô Thị Hương	29/06/1995	Kỹ thuật viên PHCN	Kỹ thuật viên	011352/ HP- CCHN	31/01/2020	Kỹ thuật viên	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng
3	Vũ Thị Hiền	04/08/1991	Kỹ thuật viên PHCN	Kỹ thuật viên	002878/ HP-CCHN	30/11/2013	Kỹ thuật viên	Đối tượng hướng dẫn thực hành: Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng

An Hải, ngày 15 tháng 11 năm 2025



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

BSCKII - ThS: *Khổng Hữu Cường*

PHỤ LỤC 2
BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH
CÓ THỂ TIẾP NHẬN ĐỂ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
số: .../BCB-YHCTHP ngày ... tháng ... năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền
Hải Phòng)

STT	Đối tượng thực hành	Thời gian thực hành (tháng)	Số lượng tiếp nhận (người)	Chi phí hướng dẫn thực hành (đồng/khóa)
1	Bác sĩ Y học cổ truyền	12	10	12.000.000
2	Bác sĩ chuyên khoa phục hồi chức năng - Đối với Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành	12	05	12.000.000
	Bác sĩ chuyên khoa phục hồi chức năng - Đối với Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề được cấp trong đó đã có thời gian 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu	09	10	9.000.000
3	Y sĩ y học cổ truyền	09	10	9.000.000
4	Kỹ thuật Y Phục hồi chức năng	06	10	6.000.000
5	Điều dưỡng	06	10	6.000.000

* Chi phí trên chưa bao gồm chi phí thực hành tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

BSCCKII - ThS: *Khổng Hữu Cường*

PHỤ LỤC 3
THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

(Ban hành kèm theo Bản Quyết định số: 42/BCB-YHCTHP ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng)

Đơn vị tính: tháng

Stt	Đối tượng	Tổng thời gian thực hành	Hồi sức cấp cứu	Nội khoa	Ngoại khoa	YHCT	PHCN	Tai mũi họng	Răng Hàm mặt	Mắt	Da liễu
1	Bác sỹ y học cổ truyền	12	3	1	0,5	4,5	1	0,5	0,5	0,5	0,5
2	Bác sĩ chuyên khoa phục hồi chức năng - Đối với Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành	12	3				9				
	Bác sĩ chuyên khoa phục hồi chức năng - Đối với Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề được cấp trong đó đã có thời gian 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu	9					9				
3	Y sỹ Y học cổ truyền	9	3	1	0,5	3,5	1				
4	Điều dưỡng	6	1	1	1	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
5	Kỹ thuật y Phục hồi chức năng	6	1				5				

An Hải, ngày 13 tháng 11 năm 2025

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

BSCKII - ThS: Nguyễn Hữu Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHUYÊN KHOA NỘI KHOA; NGOẠI
KHOA – CƠ, XƯƠNG, KHỚP; DA LIỄU; HỒI SỨC CẤP CỨU
ĐỐI VỚI BÁC SĨ YHCT, Y SĨ YHCT, ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA,
KTV PHCN
(Số: 32./2025/HĐTH-BVYHCT-BVVT)

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 2 thông qua ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, khả năng và nhu cầu thực tế của hai đơn vị.

Hôm nay, ngày 16 tháng 04 năm 2025 chúng tôi gồm:

BÊN A: BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP

Đại diện: Ông Đỗ Mạnh Thắng Chức vụ: Giám đốc

Địa Chỉ: Số 1, đường Nhà Thương, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

Điện thoại: 0225.2608858

Số TK: 119000091477 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Bắc Hải Phòng

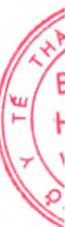
BÊN B: BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN

Đại diện: Ông **Khổng Hữu Cương** Chức vụ: Giám đốc

Địa Chỉ: Tổ dân phố Cái Tắt – phường An Đồng – huyện An Dương - Hải Phòng

Điện thoại: 02253700412

Số TK: 3713.0.1021447.00000 - Tại Phòng giao dịch số 1 – Kho bạc nhà nước khu vực III.



Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng về việc hướng dẫn thực hành^{các} chuyên
HSCC... khoa Da liễu, với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1: Nội dung hướng dẫn thực hành

1. Đối tượng thực hành:

1.1. Bác sĩ có văn bằng bác sĩ y học cổ truyền.

* *Nội dung thực hành:* chuyên khoa Nội khoa: thần kinh, tuần hoàn, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, nội tiết; chuyên khoa Ngoại khoa – cơ, xương, khớp; chuyên khoa da liễu; chuyên khoa Hồi sức cấp cứu.

** Thời gian, số lượng người thực hành:*

- Thời gian thực hành:

+ Chuyên khoa Nội khoa: thần kinh, tuần hoàn, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, nội tiết: 12 tuần.

+ Chuyên khoa Ngoại khoa – cơ, xương, khớp: 2 tuần.

+ Chuyên khoa da liễu: 2 tuần.

+ Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng.

- Hình thức thực hiện hợp đồng: Hợp đồng trọn gói theo từng trường hợp thực hành cụ thể.

- Số lượng và thời gian nhận bác sĩ thực hành: theo danh sách cụ thể của bên B sau khi thống nhất với bên A.

1.2. Y sĩ y học cổ truyền có văn bằng cao đẳng y sĩ y học cổ truyền hoặc cao đẳng y học cổ truyền.

* *Nội dung thực hành:* chuyên khoa Nội khoa: thần kinh, tuần hoàn, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, nội tiết; chuyên khoa Ngoại khoa – cơ, xương, khớp; chuyên khoa Hồi sức cấp cứu.

** Thời gian, số lượng người thực hành:*

- Thời gian thực hành:

+ Chuyên khoa Nội khoa: thần kinh, tuần hoàn, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, nội tiết: 12 tuần.

+ Chuyên khoa Ngoại khoa – cơ, xương, khớp: 2 tuần.

+ Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng.

- Hình thức thực hiện hợp đồng: Hợp đồng trọn gói theo từng trường hợp thực hành cụ thể.

- Số lượng và thời gian nhận y sĩ thực hành: theo danh sách cụ thể của bên B sau khi thống nhất với bên A.

1.3. Điều dưỡng đa khoa người có văn bằng trung cấp điều dưỡng; người có văn bằng cao đẳng điều dưỡng; người có văn bằng cử nhân điều dưỡng.

* *Nội dung thực hành:* chuyên khoa Nội khoa: thần kinh, tuần hoàn, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, nội tiết; chuyên khoa Ngoại khoa – cơ, xương, khớp; chuyên khoa da liễu; chuyên khoa Hồi sức cấp cứu.

* *Thời gian, số lượng người thực hành:*

- Thời gian thực hành:

+ Chuyên khoa Nội khoa: thần kinh, tuần hoàn, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, nội tiết: 12 tuần.

+ Chuyên khoa Ngoại khoa – cơ, xương, khớp: 2 tuần.

+ Chuyên khoa da liễu: 2 tuần.

+ Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 01 tháng.

1.4. Kỹ thuật y chuyên ngành phục hồi chức năng.

* *Nội dung thực hành:* chuyên khoa Hồi sức cấp cứu.

* *Thời gian, số lượng người thực hành:* 01 tháng.

2. Địa điểm thực hành: Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

3. Chi phí thực hành: chi phí theo thỏa thuận.

Điều 2: Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán chi phí thực hành

1. Phương thức thanh toán: Học viên đóng học phí trực tiếp cho Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp (Chuyên khoản hoặc tiền mặt).

2. Điều khoản thanh toán:

Bên B thanh toán cho bên A sau khi Bên A cấp Giấy xác nhận học viên đã hoàn thành chương trình thực hành các chuyên khoa trên và thanh lý hợp đồng chi tiết theo năm và bên A cung cấp hóa đơn tài chính cho bên B (nếu cần).

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của bên A

1. Bên A có quyền:

a, Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn học viên của Bên B theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng;

b, Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu Bên B vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng;

c, Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với bên B;

2, Bên A có nghĩa vụ:

a, Đảm bảo các điều kiện thuận lợi để học viên của Bên B được thực hành theo đúng nội dung chuyên môn, tiến độ đã thống nhất giữa hai bên trong Chương trình đào tạo thực hành;

b, Bố trí học viên của Bên B tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp;

c, Xác nhận kết quả thực hành của học viên của Bên B theo quy định;

d, Chịu trách nhiệm về quá trình học thực hành của học viên của Bên B tại cơ sở thực hành, đảm bảo sự an toàn của người bệnh;

e, Các nghĩa vụ khác liên quan đến đối tượng khám chữa bệnh của bệnh viện theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của bên B

1. Bên B có quyền:

a, Được đưa người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành Bên A để phối hợp quản lý học viên;

b, Được cung cấp thông tin quá trình thực hành của học viên tại cơ sở thực hành của Bên A;

c, Chấm dứt Hợp đồng hoặc các biện pháp xử lý khác nếu Bên A vi phạm các thỏa thuận ghi trong hợp đồng (nếu có);

2. Bên B có nghĩa vụ:

a, Cung cấp cho Bên A thông tin của học viên thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ;

b, Chi trả chi phí thực hành của học viên đầy đủ theo thỏa thuận với Bên A;

c, Chịu trách nhiệm và xử lý các vi phạm của học viên trong khi học thực hành, đảm bảo thực hiện đúng các quy chế bệnh viện;

d, Các nghĩa vụ khác:

- Giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh của học viên trong quá trình thực hành, thực tập tại cơ sở thực hành của Bên A;

- Xác nhận làm thủ tục công nhận người giảng dạy thực hành của Bên A đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về hướng dẫn thực hành.

Điều 5: Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hiệu lực của Hợp đồng được thực hiện liên tục và được thay đổi khi có sự thống nhất của các bên tham gia.

2. Hai bên thường xuyên cung cấp, trao đổi thông tin cho đầy đủ, kịp thời về các vấn đề liên quan đến nội dung Hợp đồng này;

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hợp đồng này được làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Đỗ Mạnh Thắng

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Khổng Hữu Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHUYÊN KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
ĐỐI VỚI BÁC SĨ CK PHCN; KTV PHCN
(Số: ~~91~~../2025/HĐTH-BVYHCTHP-TTYTAD)

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 2 thông qua ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, khả năng và nhu cầu thực tế của hai đơn vị.

Hôm nay, ngày ~~12~~ tháng ~~11~~ năm 2025 chúng tôi gồm:

BÊN A: TRUNG TÂM Y TẾ AN DƯƠNG

Đại diện: Ông **Phạm An Hiện** Chức vụ: Giám đốc

Địa Chỉ: Tổ dân phố 3 (Lê Lợi), phường An Dương, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 02253.914615

Số TK: 3716.2.1082705.00000 tại Kho bạc Nhà nước khu vực III

BÊN B: BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN HẢI PHÒNG

Đại diện: Ông **Khổng Hữu Cường** Chức vụ: Giám đốc

Địa Chỉ: Tổ dân phố Cái Tắt, phường An Hải, TP Hải Phòng

Điện thoại: 02253.700412

Số TK: 3713.0.1021447.00000 - Tại Phòng giao dịch số 1 – Kho bạc nhà nước khu vực III.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng về việc hướng dẫn thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu với những nội dung cơ bản sau đây:



Điều 1: Nội dung hướng dẫn thực hành

1. Đối tượng thực hành:

1.1. Bác sĩ có văn bằng chuyên khoa phục hồi chức năng.

(Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa phục hồi chức năng).

** Nội dung thực hành:* chuyên khoa Hồi sức cấp cứu.

** Thời gian, số lượng người thực hành:* 03 tháng.

- Hình thức thực hiện hợp đồng: Hợp đồng trọn gói theo từng trường hợp thực hành cụ thể.

- Số lượng và thời gian nhận bác sĩ thực hành: theo danh sách cụ thể của bên B sau khi thống nhất với bên A.

1.2. Kỹ thuật y phục hồi chức năng

** Nội dung thực hành:* chuyên khoa Hồi sức cấp cứu.

** Thời gian, số lượng người thực hành:* 01 tháng.

- Hình thức thực hiện hợp đồng: Hợp đồng trọn gói theo từng trường hợp thực hành cụ thể.

- Số lượng và thời gian nhận học viên thực hành: theo danh sách cụ thể của bên B sau khi thống nhất với bên A.

2. Địa điểm thực hành: Trung tâm Y tế An Dương.

3. Chi phí thực hành: chi phí theo thỏa thuận.

Điều 2: Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán chi phí thực hành

1. Phương thức thanh toán: Học viên đóng học phí trực tiếp cho Trung tâm Y tế An Dương (Chuyển khoản hoặc tiền mặt).

2. Điều khoản thanh toán:

Bên B thanh toán cho bên A sau khi Bên A cấp Giấy xác nhận học viên đã hoàn thành chương trình thực hành chuyên khoa HSCC và thanh lý hợp đồng chi tiết theo năm và bên A cung cấp hóa đơn tài chính cho bên B (nếu cần).

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của bên A

1. Bên A có quyền:

- a, Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn học viên của Bên B theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng;
- b, Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu Bên B vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng;
- c, Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với bên B;

2. Bên A có nghĩa vụ:

- a, Đảm bảo các điều kiện thuận lợi để học viên của Bên B được thực hành theo đúng nội dung chuyên môn, tiến độ đã thống nhất giữa hai bên trong Chương trình đào tạo thực hành;
- b, Bố trí học viên của Bên B tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp;
- c, Xác nhận kết quả thực hành của học viên của Bên B theo quy định;
- d, Chịu trách nhiệm về quá trình học thực hành của học viên của Bên B tại cơ sở thực hành, đảm bảo sự an toàn của người bệnh;
- e, Các nghĩa vụ khác liên quan đến đối tượng khám chữa bệnh của bệnh viện theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của bên B

1. Bên B có quyền:

- a, Được đưa người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành Bên A để phối hợp quản lý học viên;
- b, Được cung cấp thông tin quá trình thực hành của học viên tại cơ sở thực hành của Bên A;
- c, Chấm dứt Hợp đồng hoặc các biện pháp xử lý khác nếu Bên A vi phạm các thỏa thuận ghi trong hợp đồng (nếu có);

2. Bên B có nghĩa vụ:

- a, Cung cấp cho Bên A thông tin của học viên thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ;



b, Đơn đốc học viên chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên A;

c, Chịu trách nhiệm và xử lý các vi phạm của học viên trong khi học thực hành, đảm bảo thực hiện đúng các quy chế bệnh viện;

d, Các nghĩa vụ khác:

- Giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh của học viên trong quá trình thực hành, thực tập tại cơ sở thực hành của Bên A;

- Xác nhận làm thủ tục công nhận người giảng dạy thực hành của Bên A đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về hướng dẫn thực hành.

Điều 5: Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hiệu lực của Hợp đồng được thực hiện liên tục và được thay đổi khi có sự thống nhất của các bên tham gia.

2. Hai bên thường xuyên cung cấp, trao đổi thông tin cho đầy đủ, kịp thời về các vấn đề liên quan đến nội dung Hợp đồng này;

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hợp đồng này được làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

Phạm An Hiện

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

Khổng Hữu Cương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHUYÊN KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
ĐỐI VỚI BÁC SĨ CK PHCN; KTV PHCN
(Số: ~~11~~.../2025/HĐTH-BVYHCTHP-TTYTAD)

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 2 thông qua ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, khả năng và nhu cầu thực tế của hai đơn vị.

Hôm nay, ngày ~~12~~ tháng ~~11~~ năm 2025 chúng tôi gồm:

BÊN A: TRUNG TÂM Y TẾ AN DƯƠNG

Đại diện: Ông **Phạm An Hiện** Chức vụ: Giám đốc

Địa Chỉ: Tổ dân phố 3 (Lê Lợi), phường An Dương, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 02253.914615

Số TK: 3716.2.1082705.00000 tại Kho bạc Nhà nước khu vực III

BÊN B: BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN HẢI PHÒNG

Đại diện: Ông **Khổng Hữu Cường** Chức vụ: Giám đốc

Địa Chỉ: Tổ dân phố Cái Tắt, phường An Hải, TP Hải Phòng

Điện thoại: 02253.700412

Số TK: 3713.0.1021447.00000 - Tại Phòng giao dịch số 1 – Kho bạc nhà nước khu vực III.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng về việc hướng dẫn thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu với những nội dung cơ bản sau đây:



Điều 1: Nội dung hướng dẫn thực hành

1. Đối tượng thực hành:

1.1. Bác sĩ có văn bằng chuyên khoa phục hồi chức năng.

(Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa phục hồi chức năng).

** Nội dung thực hành:* chuyên khoa Hồi sức cấp cứu.

** Thời gian, số lượng người thực hành:* 03 tháng.

- Hình thức thực hiện hợp đồng: Hợp đồng trọn gói theo từng trường hợp thực hành cụ thể.

- Số lượng và thời gian nhận bác sĩ thực hành: theo danh sách cụ thể của bên B sau khi thống nhất với bên A.

1.2. Kỹ thuật y phục hồi chức năng

** Nội dung thực hành:* chuyên khoa Hồi sức cấp cứu.

** Thời gian, số lượng người thực hành:* 01 tháng.

- Hình thức thực hiện hợp đồng: Hợp đồng trọn gói theo từng trường hợp thực hành cụ thể.

- Số lượng và thời gian nhận học viên thực hành: theo danh sách cụ thể của bên B sau khi thống nhất với bên A.

2. Địa điểm thực hành: Trung tâm Y tế An Dương.

3. Chi phí thực hành: chi phí theo thỏa thuận.

Điều 2: Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán chi phí thực hành

1. Phương thức thanh toán: Học viên đóng học phí trực tiếp cho Trung tâm Y tế An Dương (Chuyển khoản hoặc tiền mặt).

2. Điều khoản thanh toán:

Bên B thanh toán cho bên A sau khi Bên A cấp Giấy xác nhận học viên đã hoàn thành chương trình thực hành chuyên khoa HSCC và thanh lý hợp đồng chi tiết theo năm và bên A cung cấp hóa đơn tài chính cho bên B (nếu cần).

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của bên A

1. Bên A có quyền:

- a, Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn học viên của Bên B theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng;
- b, Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu Bên B vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng;
- c, Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với bên B;

2, Bên A có nghĩa vụ:

- a, Đảm bảo các điều kiện thuận lợi để học viên của Bên B được thực hành theo đúng nội dung chuyên môn, tiến độ đã thống nhất giữa hai bên trong Chương trình đào tạo thực hành;
- b, Bố trí học viên của Bên B tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp;
- c, Xác nhận kết quả thực hành của học viên của Bên B theo quy định;
- d, Chịu trách nhiệm về quá trình học thực hành của học viên của Bên B tại cơ sở thực hành, đảm bảo sự an toàn của người bệnh;
- e, Các nghĩa vụ khác liên quan đến đối tượng khám chữa bệnh của bệnh viện theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của bên B

1. Bên B có quyền:

- a, Được đưa người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành Bên A để phối hợp quản lý học viên;
- b, Được cung cấp thông tin quá trình thực hành của học viên tại cơ sở thực hành của Bên A;
- c, Chấm dứt Hợp đồng hoặc các biện pháp xử lý khác nếu Bên A vi phạm các thỏa thuận ghi trong hợp đồng (nếu có);

2. Bên B có nghĩa vụ:

- a, Cung cấp cho Bên A thông tin của học viên thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ;



b, Đơn đốc học viên chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên A;

c, Chịu trách nhiệm và xử lý các vi phạm của học viên trong khi học thực hành, đảm bảo thực hiện đúng các quy chế bệnh viện;

d, Các nghĩa vụ khác:

- Giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh của học viên trong quá trình thực hành, thực tập tại cơ sở thực hành của Bên A;

- Xác nhận làm thủ tục công nhận người giảng dạy thực hành của Bên A đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về hướng dẫn thực hành.

Điều 5: Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hiệu lực của Hợp đồng được thực hiện liên tục và được thay đổi khi có sự thống nhất của các bên tham gia.

2. Hai bên thường xuyên cung cấp, trao đổi thông tin cho đầy đủ, kịp thời về các vấn đề liên quan đến nội dung Hợp đồng này;

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hợp đồng này được làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

Phạm An Hiện

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

Khổng Hữu Cường

Số: 91/QĐ-BVYHCT

Hải Phòng, ngày 14 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu, trích kinh phí đào tạo thực hành tại Bệnh viện YHCT

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 31 tháng 12 năm 2023 quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào Biên bản họp hội đồng khoa học kỹ thuật Bệnh viện ngày 13 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ vào nhu cầu thực tế tại Bệnh viện.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thu học phí theo Biểu giá quy định của Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền (Có đính kèm biểu giá).

Điều 2. Trích kinh phí thu đào tạo thực hành tại bệnh viện như sau:

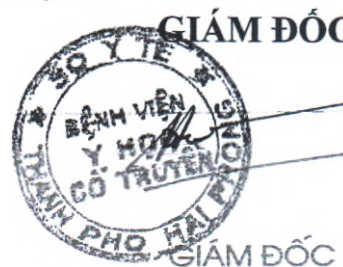
STT	Nội dung	Diễn giải chi phí
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2%
2	Công tác đào tạo	60%
2.1	Chi cho các cán bộ trực tiếp giảng dạy, hướng dẫn thực hành	40%
2.2	Chi trả cho bộ phận quản lý	20%
3	Bệnh viện hưởng	38%

Điều 3. Thời gian thực hiện từ tháng 3 năm 2025, Phòng Kế hoạch tổng hợp có Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và theo dõi từng tháng thực hiện.

Điều 4. Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Tài chính kế toán, các khoa phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VT, P. KHTH.



GIÁM ĐỐC
BSCKII - TS: *Khổng Hữu Cường*

Hải Phòng, ngày 04 tháng 3 năm 2025

BIỂU GIÁ HỌC PHÍ THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN

(Theo Quyết định số: 91 /QĐ-BVYHCT ngày 4 tháng 3 năm 2025)

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 31 tháng 12 năm 2023 quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng khoa học kỹ thuật Bệnh viện ngày 13 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn.

Phòng Kế hoạch tổng hợp Bệnh viện Y học cổ truyền xây dựng biểu giá thu học phí đào tạo học viên thực hành tại Bệnh viện như sau:

STT	Loại hình đào tạo	Mức thu phí	Ghi chú
Phí đào tạo học viên thực hành tại bệnh viện			
1	gồm chi phí vật tư tiêu hao, điện, nước, tiền thực hành, và quản lý đào tạo, tiền hồ sơ, tài liệu học tập.	1.000.000	



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

GIÁM ĐỐC

BSCKII - ThS: *Khổng Hữu Cường*

Đinh Thị Phương

BẢNG XÂY DỰNG GIÁ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

(Kèm Quyết định số: 91/QĐ-BVYHCT ngày 04 tháng 03 năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền)
Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
A	CHI PHÍ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH				500.000
I	Giảng viên giảng thực hành (Không bao gồm tiền biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu)		300.000	174,5	300.000
1	Giảng viên Chuyên khoa II	Tiết	60.000	5	300.000
2	Giảng viên Thạc sĩ/Chuyên khoa I	Tiết	40.000	7,5	300.000
3	Giảng viên thường (BS, CNĐH, KTV)	Tiết	25.000	12	300.000
II	Chi quản lý đào tạo thực hành		200.000		200.000
1	Giảng viên Chuyên khoa II	Tiết	4.000	5	20.000
2	Giảng viên Thạc sĩ/Chuyên khoa I	Tiết	2.000	35	70.000
3	Giảng viên thường (BS, CNĐH, KTV)	Tiết	1.000	110	110.000
III	Tiền hồ sơ		160.000		160.000
	- Hồ sơ - Giấy chứng nhận hoàn thành quá trình thực hành	Bộ	160.000	1	160.000
IV	Tiền tài liệu học tập		140.000		140.000
	Tài liệu giáo trình phục vụ lớp học, in và cấp chứng chỉ, thẻ học viên. Dự kiến: - Thẻ học viên và dây đeo (50.000đ/hv) - Tài liệu giáo trình: + 10 trang màu x 4.000đ/trang + 50 trang thường x 1.000đ/trang	Bộ	140.000	1	140.000
B	CHI PHÍ KHÁC PHỤC VỤ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH				200.000
1	Tiền vật tư, tiêu hao, điện nước		200.000		200.000
	Tiền trang thiết bị, vật tư y tế phục vụ giảng dạy: - Bông, cồn - Kim châm cứu - Thuê/mượn máy: điện xung, điện châm, đèn hồng ngoại, laser công suất thấp nội mạch, siêu âm,... - Tiền điện: điều hòa, đèn, máy chiếu, máy tính...	Lần	200.000		200.000
CỘNG			1.000.000		1.000.000

Giá đề xuất thu phí đào tạo thực hành 1 học viên/ 1 tháng

Người lập biểu

Trưởng phòng KHTH

Giám Đốc


Đinh Thị Phương


Phạm Thanh Tùng


GIÁM ĐỐC
BSCKII - ThS: Hồng Hữu Cường

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành nội dung hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho các chức danh chuyên môn tại Bệnh viện Y học cổ truyền

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ quy định kèm theo quyết định 62/2022/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng; Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND thành phố Hải Phòng sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND thành phố;

Theo đề nghị của TP Kế hoạch tổng hợp – Bệnh viện Y học cổ truyền.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này nội dung hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho các chức danh chuyên môn tại Bệnh viện Y học cổ truyền.

Điều 2. Các khoa, phòng, viên chức được phân công giảng dạy thực hành chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng nội dung hướng dẫn thực hành ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Các khoa, phòng Bệnh viện Y học cổ truyền chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Bệnh viện (để báo cáo);
- Các khoa/phòng (để thực hiện);
- Lưu VT, Phòng KHTH.



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

BSCKII - ThS: *Khổng Hữu Cường*

Hải Phòng, ngày 15 tháng 11 năm 2025

**CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
CHO CÁC CHỨC DANH CHUYÊN MÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/QĐ-YHCTHP ngày 15/11/2025
của Bệnh viện YHCT HP)

**I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ
VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y HỌC CỔ TRUYỀN**

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sĩ y học cổ truyền, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sĩ y học cổ truyền.

- Người có văn bằng cử nhân y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sĩ y học cổ truyền theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục VI Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Ký Hợp đồng với BV Việt Tiệp	03 tháng
2	Nội khoa		03 tháng
3	Ngoại khoa – cơ, xương, khớp		0.5 tháng
4	Da liễu		0.5 tháng
5	Mất 1 trong 2 khoa	PK Mắt Khoa Khám bệnh/ Khoa Ngũ quan	0.5 tháng
6	Tai mũi họng 1 trong 2 khoa	PK Tai-mũi-họng Khoa Khám bệnh/ Khoa Ngũ quan	0.5 tháng
7	Răng hàm mặt 1 trong 2 khoa	PK Răng-hàm-mặt Khoa Khám bệnh/ Khoa Ngũ quan	0.5 tháng
8	Y học cổ truyền 1 trong 4 các khoa sau:	Khoa Ngoại-phụ/Khoa Châm cứu – dưỡng sinh/Khoa Nội/Khoa Nhi-tạp bệnh	1.5 tháng
9	Phục hồi chức năng	Khoa Vật lý trị liệu – phục hồi chức năng	02 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2 - 4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH ĐIỀU DƯỠNG VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ ĐIỀU DƯỠNG

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng trung cấp điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp điều dưỡng.

- Người có văn bằng cao đẳng điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng điều dưỡng.

- Người có văn bằng cử nhân điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân điều dưỡng.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng cần đạt được:

2.1. Kiến thức

Khoa học xã hội và tự nhiên: Hiểu biết sâu rộng về các nguyên lý khoa học xã hội và tự nhiên, áp dụng vào việc chăm sóc và phòng ngừa bệnh tật.

Chuyên ngành chăm sóc sức khỏe và Điều dưỡng: Có kiến thức chuyên sâu về các phương pháp điều dưỡng, đặc biệt là chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm.

Tác động môi trường và sức khỏe con người: Hiểu về tác động của môi trường đến sức khỏe con người và các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

2.2. Kỹ năng

Hành nghề theo Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp: Thực hiện công việc điều dưỡng theo đúng pháp luật và chuẩn đạo đức, đảm bảo an toàn và chất lượng chăm sóc.

Thực hành chăm sóc Điều dưỡng: Thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng.

Giao tiếp và hợp tác: Có khả năng giao tiếp tốt với bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng, đặc biệt trong việc tư vấn và giáo dục sức khỏe.

Phòng bệnh và phát hiện sớm dịch bệnh: tham gia các hoạt động phòng bệnh và phát hiện sớm dịch bệnh, đề xuất các biện pháp phòng chống hiệu quả.

Quản lý ngành và đào tạo: Tham gia vào công tác quản lý ngành, nghiên cứu điều dưỡng, và đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực điều dưỡng.

2.3. Thái độ

Tuân thủ pháp luật và chính sách Nhà nước: Thực hành nghề theo luật pháp và chính sách của nhà nước về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Trung thực và thận trọng: Hành động trung thực, thận trọng, và có ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp.

Tôn trọng quyền lợi của Người bệnh: luôn tôn trọng quyền lợi và sự thoải mái của người bệnh trong quá trình chăm sóc.

Phát triển nghề nghiệp và học tập liên tục: Có ý thức phát triển nghề nghiệp, sẵn sàng học tập và cập nhật kiến thức mới để nâng cao chất lượng phục vụ.

Mục tiêu nghề nghiệp của Điều dưỡng viên không chỉ đơn giản là hoàn thành nhiệm vụ chăm sóc bệnh nhân mà còn là xây dựng nền tảng kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để mang lại hiệu quả và an toàn tối đa cho bệnh nhân và cộng đồng.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình chăm sóc Điều dưỡng.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục XII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Ký Hợp đồng với BV Việt Tiệp	01 tháng
2	Nội khoa		03 tháng
3	Ngoại khoa – cơ, xương, khớp		0.5 tháng
4	Da liễu		0.5 tháng
5	Mắt 1 trong 2 khoa	PK Mắt Khoa Khám bệnh/ Khoa Ngũ quan	0.25 tháng
6	Tai mũi họng 1 trong 2 khoa	PK Tai-mũi-họng Khoa Khám bệnh/ Khoa Ngũ quan	0.25 tháng
7	Răng hàm mặt 1 trong 2 khoa	PK Răng-hàm-mặt Khoa Khám bệnh/ Khoa Ngũ quan	0.25 tháng
8	Y học cổ truyền; Phục hồi chức năng	Khoa Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng	0.25 tháng
Tổng thời gian thực hành			6 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Điều dưỡng Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành;

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH Y SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. Đối tượng thực hành

- Người có Văn bằng cao đẳng y sỹ y học cổ truyền hoặc cao đẳng y học cổ truyền, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng y sỹ y học cổ truyền hoặc cao đẳng y học cổ truyền.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 9 tháng đối với chức danh Y sỹ Y học cổ truyền với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền cần đạt được:

2.1. Kiến thức:

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn:

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thông thường.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với Y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục XI Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Ký Hợp đồng với BV Việt Tiệp	03 tháng
2	Nội khoa		03 tháng
3	Ngoại khoa – cơ, xương, khớp		0.5 tháng
4	Y học cổ truyền 1 trong 5 các khoa sau:	Khoa Ngoại-phụ/Khoa Châm cứu – dưỡng sinh/Khoa Nội/Khoa Nhi-tập bệnh/Khoa Ngũ quan	1.5 tháng
5	Phục hồi chức năng	Khoa Vật lý trị liệu – phục hồi chức năng	01 tháng
Tổng thời gian thực hành			09 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.
- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.
- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.
- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.
- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.
- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.
- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.
- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp

giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

IV. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

1. Đối tượng thực hành

- Người có một trong các văn bằng sau đây: Văn bằng trung cấp kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng trung cấp kỹ thuật vật lý trị liệu, văn bằng trung cấp kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp của một trong các ngành sau đây: Kỹ thuật phục hồi chức năng, kỹ thuật vật lý trị liệu, kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng;

- Người có một trong các văn bằng sau đây: Văn bằng cao đẳng kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng cao đẳng kỹ thuật vật lý trị liệu, văn bằng cao đẳng kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng của một trong các ngành sau đây: Kỹ thuật phục hồi chức năng, kỹ thuật vật lý trị liệu, kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng.

- Người có một trong các văn bằng sau đây: Văn bằng cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng cử nhân vật lý trị liệu, văn bằng cử nhân hoạt động trị liệu, văn bằng cử nhân ngôn ngữ trị liệu, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân của một trong các ngành sau đây: phục hồi chức năng, vật lý trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng cần đạt được:

2.1. Kiến thức

Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

Đủ năng lực thực hiện quy trình kỹ thuật phục hồi chức năng cho những người có bệnh hoặc tác động của thương tổn. Thông qua các liệu pháp vật lý như nhiệt, thủy, vận động trị liệu,... giúp bệnh nhân khôi phục các chức năng vận động của cơ thể về thể chất và tinh thần, từ đó giúp họ tái hòa nhập cộng đồng dễ dàng, sử dụng, bảo dưỡng các trang thiết bị.

2.2. Chuyên môn

Phòng ngừa, kiểm soát các cơn đau tối ưu.

Phục hồi và cải thiện các chức năng vốn có về thể chất, tinh thần trong sinh hoạt hàng ngày.

Duy trì chức năng hiện có, hướng dẫn các hoạt động cho bệnh nhân.

Hỗ trợ bệnh nhân tái hòa nhập cộng đồng.

Giảm tình trạng biến chứng, tác dụng phụ có thể xảy ra.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Mục III Phụ lục XIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức cấp cứu	1 tháng
2	Phục hồi chức năng (Vật lý trị liệu, Hoạt động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu, Hoạt động trị liệu, Chẩn đoán và điều trị chức năng, Dụng cụ chỉnh hình)	Khoa VLTL - PHCN	5 tháng
Tổng thời gian thực hành			6 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa: Phục hồi chức năng.

1.2. Trường hợp Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề được cấp trong đó đã có thời gian 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, thì thực hành thêm 09 tháng chuyên khoa: Phục hồi chức năng.

2. Mục tiêu: Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề “Phục hồi chức năng” cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành: Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Phục hồi chức năng theo Phụ lục số IX Danh mục kỹ thuật chuyên môn theo chuyên khoa (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

4. Thời gian và địa điểm thực hành

Thời gian thực hành:

4.1. Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa: Phục hồi chức năng.

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức cấp cứu BV HN Việt Tiệp (Ký Hợp đồng với BV HN Việt Tiệp)	3 tháng
2	Phục hồi chức năng	Khoa Châm cứu-DS/ Khoa VLTL-PHCN	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

4.2. Trường hợp Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề được cấp trong đó đã có thời gian 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, thì thực hành thêm 09 tháng chuyên khoa: Phục hồi chức năng.

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Phục hồi chức năng	Khoa Châm cứu-DS/ Khoa VLTL-PHCN	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			9 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh
thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 73/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Tờ trình số 45/TTr-BV ngày 06/02/2023 của Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng về việc đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật Vật lý trị liệu- Phục hồi chức năng tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng;

Căn cứ Kết quả thẩm định tại Biên bản thẩm định Hồ sơ ngày 13/4/2023 của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-SYT ngày 04/4/2023 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng, Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung 18 kỹ thuật có tên tại (bảng dưới đây) theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh vào Danh mục kỹ thuật được phép thực hiện trong khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Y học cổ truyền.

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG						
		B. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
1	31.	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
2	32.	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy	x	x	x	x
3	35.	Tập lăn trở khi nằm	x	x	x	x
4	36.	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi	x	x	x	x
5	38.	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng	x	x	x	x
6	39.	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	x	x	x	x
7	40.	Tập dáng đi	x	x	x	x
8	54.	Tập vận động chủ động	x	x	x	x
9	57.	Tập kéo dãn	x	x	x	x
		C. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
10	93.	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn	x	x	x	x
11	94.	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn	x	x	x	x
12	95.	Tập các vận động thô của bàn tay	x	x	x	x
13	96.	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	x	x	x	x
14	97.	Tập phối hợp hai tay	x	x	x	x
15	98.	Tập phối hợp tay mắt	x	x	x	x
16	99.	Tập phối hợp tay miệng	x	x	x	x
17	100.	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)	x	x	x	x
18	103.	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi	x	x	x	x

Điều 2. Cơ sở khám, chữa bệnh có trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn để thực hiện Danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt. Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh được phê duyệt cho đơn vị sẽ là cơ sở để Bảo hiểm Y tế thanh toán và chuyển tuyến.

Điều 3. Phòng Nghiệp vụ Y phối hợp với các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện "Quy định Phân tuyến kỹ thuật và Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh".

Điều 4. Các Ông, bà Trưởng các phòng thuộc Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BHXH TP;
- Lưu: VT, NVY (05).



Lê Minh Quang



UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

SỞ Y TẾ BỆNH VIỆN
Y HỌC

Số: 15/5/QĐ-SYT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 09 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh
thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Xét đề nghị của Bệnh viện Y học cổ truyền tại Tờ trình số 434/TTr-BVYHCT ngày 11/10/2021 về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh kèm theo Biên bản họp Hội đồng chuyên môn của Bệnh viện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung 01 kỹ thuật có tên tại bảng dưới đây theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh vào Danh mục kỹ thuật được phép thực hiện trong khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Y học cổ truyền:

STT	STT của TT 43/2013/TT-BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			3			
	1	2	A	B	C	D
CHƯƠNG XXIV. VI SINH						
		B. VIRUS				
		1. Virus chung				
1	108	Virus test nhanh	x	x	x	x

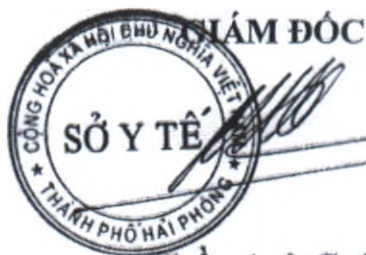
Điều 2. Cơ sở khám, chữa bệnh có trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt. Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh được phê duyệt cho đơn vị sẽ là cơ sở để Bảo hiểm Y tế thanh toán và chuyển tuyến.

Điều 3. Phòng Nghiệp vụ Y phối hợp với các phòng có liên quan chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện "Quy định Phân tuyến kỹ thuật và Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh".

Điều 4. Các Ông, bà Trưởng các phòng thuộc Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bảo hiểm xã hội TP;
- Lưu: VT, NVY (5).



Trần Anh Cường

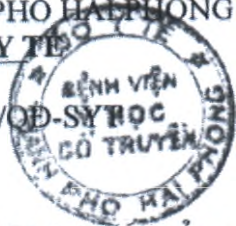
UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 497/QĐ-SYT



Hải Phòng, ngày 09 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Xét đề nghị của Bệnh viện Y học cổ truyền tại Tờ trình số 26/TTr-BVYHCT ngày 05/4/2021 về việc đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật kèm theo Biên bản họp Hội đồng chuyên môn của Bệnh viện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung 26 kỹ thuật có tên tại bảng dưới đây theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh vào Danh mục kỹ thuật được phép thực hiện trong khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Y học cổ truyền:

STT	TT (theo TT43)	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			3			
	1	2	A	B	C	D
XVIII. ĐIỆN QUANG						
A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN						
1. Siêu âm đầu, cổ						
1	10	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ	x	x		
2. Siêu âm vùng ngực						
2	12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	x	x		
3. Siêu âm ổ bụng						
3	19	Siêu âm ống tiêu hoá (dạ dày, ruột non, đại tràng).	x	x		

4	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối).	x	x	x	
5	21	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng	x	x		
6	22	Siêu âm Doppler gan lách	x	x		
7	23	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...).	x	x		
8	24	Siêu âm Doppler động mạch thận	x	x		
9	25	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ	x	x		
10	26	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung).	x	x		
11	27	Siêu âm 3D/4D khối u	x	x		
12	28	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x		
13	29	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	x	x		
4. Siêu âm sản phụ khoa						
14	32	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	x	x		
15	34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	x	x	x	
16	35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	x	x	x	
17	36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	x	x	x	
18	37	Siêu âm Doppler động mạch tử cung	x	x		
19	38	Siêu âm Doppler thai nhi trong 3 tháng đầu	x	x		
20	39	Siêu âm Doppler thai nhi trong 3 tháng giữa	x	x		
21	40	Siêu âm Doppler thai nhi trong 3 tháng cuối	x	x		
22	41	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x		
23	42	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi	x	x		
6. Siêu âm tim, mạch máu						
24	48	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ	x	x		
25	52	Siêu âm Doppler tim, van tim	x	x		
8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam						
26	58	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	x	x		

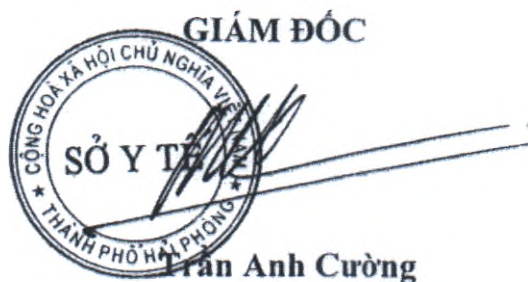
Điều 2. Cơ sở khám, chữa bệnh có trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt. Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh được phê duyệt cho đơn vị sẽ là cơ sở để Bảo hiểm Y tế thanh toán và chuyển tuyến.

Điều 3. Phòng Nghiệp vụ Y phối hợp với các phòng có liên quan chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện "Quy định Phân tuyến kỹ thuật và Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh".

Điều 4. Các Ông, bà Trưởng các phòng thuộc Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền căn cứ Quyết định thi hành././11/12

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bảo hiểm xã hội TP;
- Lưu: VT, NVY (5).



UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:



Hải Phòng, ngày 09 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Xét đề nghị của Bệnh viện Y học cổ truyền tại Tờ trình số 19/TTr-BV ngày 03/4/2019 về việc đề nghị phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh kèm theo Biên bản họp Hội đồng chuyên môn bệnh viện;

Xét đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y tại Biên bản thẩm định hồ sơ ngày 08/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung 01 kỹ thuật có tên tại bảng dưới đây thuộc chuyên khoa Thăm dò chức năng theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh vào Danh mục kỹ thuật được phép thực hiện trong khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Y học cổ truyền:

STT	TT THEO TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			4			
1	2	3	A	B	C	D
		XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG				
1	102	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA	x	x		

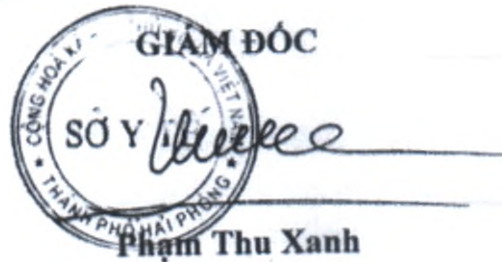
Điều 2. Cơ sở khám, chữa bệnh có trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt. Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh được phê duyệt cho đơn vị sẽ là cơ sở để Bảo hiểm Y tế thanh toán và chuyển tuyến.

Điều 3. Phòng Nghiệp vụ Y phối hợp với các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện "Quy định Phân tuyến kỹ thuật và Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh".

Điều 4. Các Ông, bà Trưởng các phòng ban Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền căn cứ Quyết định thi hành. / *Ph*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bảo hiểm xã hội TP;
- Lưu: VT, NVY (5).





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh
thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Quyết định số 1717/2010/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế;

Xét đề nghị của Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng tại Tờ trình số 298a/TTr-BV ngày 08/11/2016 về việc đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật thực hiện trong khám chữa bệnh tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng kèm theo Biên bản họp Hội đồng khoa học kỹ thuật Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng ngày 07/11/2016;

Xét đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế Hải Phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung 01 danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thuộc chuyên khoa Phục hồi chức năng được phép thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng như sau:

STT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
		A	B	C	D
9	Điều trị bằng sóng xung kích	X	X	X	
	Tổng số	01 kỹ thuật			

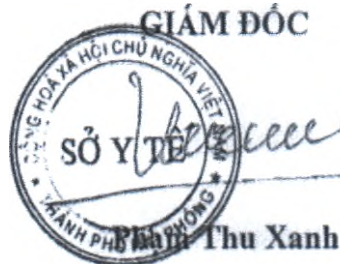
Điều 2. Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh được phê duyệt cho đơn vị sẽ là cơ sở để Bảo hiểm Y tế thanh toán và chuyển tuyến.

Điều 3. Phòng Nghiệp vụ Y phối hợp với các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện "Quy định Phân tuyến kỹ thuật và Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh".

Điều 4. Các Ông, bà Trưởng các phòng ban Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bảo hiểm xã hội TP;
- Lưu: VT, NVY.



UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hải Phòng, ngày 23 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh
thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Hải Phòng về việc quy định mức giá thu dịch vụ khám, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 1717/2010/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế;

Xét đề nghị của Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng tại Tờ trình số 18/TTr-BVYHCT ngày 24/2/2016 về việc đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật thực hiện trong khám chữa bệnh tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng kèm theo Biên bản họp Hội đồng khoa học Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng ngày 16/2/2016;

Căn cứ Biên bản thẩm định danh mục kỹ thuật ngày 21/4/2016 của Đoàn thẩm định danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đối với Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng được thành lập tại Quyết định số 333/QĐ-SYT ngày 14/4/2016 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng;

Xét đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế Hải Phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng (có Danh mục chi tiết kèm theo):

STT	CHUYÊN KHOA	DMKT THEO THÔNG TƯ 43		DMKT THEO THÔNG TƯ 50	DMKT THEO QB UBND TP	TỔNG SỐ DMKT
		ĐÚNG TUYỂN	VƯỢT TUYỂN			
1.	Hồi sức cấp cứu và chống độc	24	0	0	0	24
2.	Nội khoa	3	0	0	0	3
3.	Nhi khoa	76	0	0	0	76
4.	Y học cổ truyền	412	0	02	0	414
5.	Gây mê hồi sức	38	0	0	0	38
6.	Ngoại khoa	44	09	07	25	85
7.	Bỏng	1	0	0	0	1
8.	Tai Mũi Họng	3	0	0	0	3
9.	Răng Hàm Mặt	73	0	0	14	87
10.	Phục hồi chức năng	75	0	14	0	89
11.	Điện quang	75	2	0	04	81
12.	Thăm dò chức năng	3	0	0	0	3
13.	Huyết học - Truyền máu	15	2	0	1	18
14.	Hóa sinh	38	0	03	1	42
15.	Vì sinh - Ký sinh trùng	9	0	0	0	9
Tổng số		889	13	26	45	973

Điều 2. Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh được phê duyệt cho đơn vị sẽ là cơ sở để Bảo hiểm Y tế thanh toán và chuyển tuyến.

Điều 3. Phòng Nghiệp vụ Y phối hợp với các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện "Quy định Phân tuyến kỹ thuật và Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh".

Điều 4. Các Ông, bà Trưởng các phòng ban Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng căn cứ Quyết định thi hành. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế cho các Quyết định phê duyệt Danh mục kỹ thuật của Sở Y tế Hải Phòng trước đây đối với Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng. /

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bảo hiểm xã hội TP;
- Lưu: VT, NVY.



GIÁM ĐỐC

Phạm Thu Xanh

MỤC LỤC

TT	Nội dung	Số lượng kỹ thuật	Trang
I	Hồi sức cấp cứu và chống độc	24	1
II	Nội khoa	3	2
III	Nhi khoa	76	2
VIII	Y học cổ truyền	414	5
IX	Gây mê hồi sức	38	16
X	Ngoại khoa	85	17
XI	Bỏng	1	20
XV	Tai mũi họng	3	20
XVI	Răng hàm mặt	87	20
XVII	Phục hồi chức năng	89	23
XVIII	Điện quang	81	25
XXI	Thăm dò chức năng	3	28
XXII	Huyết học truyền máu	18	28
XXIII	Hóa sinh	42	29
XXIV	Vì sinh	9	30
	Tổng cộng	973	

DANH MỤC DỊCH VỤ KỸ THUẬT TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN

STT	Quyết Định UBNDTP			TT của BHYT		DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
	2259	2168	1926	50	43		A	B	C	D
						I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
						A. Tuần hoàn				
1					2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường ✓	X	X	X	
2					18	Siêu âm tim cấp cứu tại giường ✓	X	X	X	
3					19	Siêu âm Doppler mạch cấp cứu tại giường ✓	X	X	X	
						B. Hô hấp				
4					54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở kĩ quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút) ✓	X	X	X	X
5					64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	X	X	X	X
6					65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ ✓	X	X	X	X
7					66	Đặt ống nội khí quản ✓	X	X	X	
8					73	Mở khí quản thường quy ✓	X	X	X	
9					93	Chọc hút dịch – khí màng phổi bằng kim hay catheter ✓	X	X	X	
10					158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản ✓	X	X	X	X
						C. Thận - Lọc máu				
11					160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang ✓	X	X	X	X
12					164	Thông bàng quang ✓	X	X	X	X
						D. Tiêu hóa				
13					216	Đặt ống thông dạ dày ✓	X	X	X	X
14					218	Rửa dạ dày cấp cứu ✓	X	X	X	X
15					221	Thụt tháo ✓	X	X	X	X
16					224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần) ✓	X	X	X	X
17					239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu ✓	X	X	X	
						E. Toàn thân				
18					270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu ✓	X	X	X	X
19					275	Băng bó vết thương ✓	X	X	X	X
20					276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương ✓	X	X	X	X
21					278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	X	X	X	X
22					279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng ✓	X	X	X	

						G. Xét nghiệm				
23					301	Định lượng nhanh CK-MB trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay ✓	X	X	X	
						H. Thăm dò khác				
24					303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh ✓	X	X	X	
II. NỘI KHOA										
						A. Hô hấp				
25					1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	X	X	X	X
26					9	Chọc dò dịch màng phổi ✓	X	X	X	X
						Đ. Tiêu hóa				
27					339	Thụt tháo phân ✓	X	X	X	X
III. NHI KHOA										
I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC										
						A. Tuần hoàn				
28					51	Ép tim ngoài lồng ngực	X	X	X	X
						B. Hô hấp				
29					106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ 01.0065.0071	X	X	X	X
30					107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	X	X	X	X
VII. GÂY MÊ HỒI SỨC										
31					1390	Kỹ thuật sản sóc theo dõi ống thông tiểu	X	X	X	
32					1393	Kỹ thuật theo dõi người bệnh trong và sau mổ	X	X	X	
33					1394	Kỹ thuật xử lý thường quy các tai biến trong và sau vô cảm	X	X	X	
34					1395	Kỹ thuật vô cảm ngoài phòng mổ	X	X	X	
35					1403	Kỹ thuật theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy	X	X	X	
36					1405	Truyền dịch thường quy	X	X	X	
VIII. BÔNG										
						B. Các kỹ thuật trong điều trị vết thương mãn tính				
37					1516	Thay băng điều trị vết thương mãn tính 11.0116.0149	X	X		
38					1517	Ngâm rửa điều trị vết thương mãn tính	X	X		
39					1518	Cắt đáy ổ loét vết thương mãn tính	X	X		
X. RĂNG HÀM MẶT										
						A. Răng				
40					1738	Chụp sứ Cercon	X	X		
41					1739	Cầu sứ Cercon	X	X		
XIII. NỘI KHOA										
						C. Tiêu hóa				
42					2347	Đốt trĩ bằng sóng cao tần và tử trường	X	X		
43					2353	Tiêm xơ điều trị trĩ	X	X	X	

44				2354	Chọc dịch màng bụng 08.2354.0077	X	X	X	
45				2355	Dẫn lưu dịch màng bụng	X	X	X	
46				2356	Chọc hút áp xe thành bụng 08.2356.0505	X	X	X	
47				2357	Thụt tháo phân 02.0334.0211 / 02.0149.0211 / 08.2357.0211	X	X	X	X
48				2358	Đặt sonde hậu môn 02.0149.0211 / 08.2358.0211	X	X	X	X
49				2359	Nong hậu môn	X	X	X	
					E. Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng				
50				2382	Test lấy da (Prick test) với các loại thuốc 08.2382.0813	X	X	X	X
51				2383	Test nội bì 08.2383.0814 / 08.2383.0815	X	X	X	X
52				2384	Test áp (Patch test) với các loại thuốc 08.2384.0804	X	X	X	X
					H. Các kỹ thuật khác				
53				2387	Tiêm trong da 08.2387.0212	X	X	X	X
54				2388	Tiêm dưới da 08.2388.0212	X	X	X	X
55				2389	Tiêm bắp thịt 08.2389.0212	X	X	X	X
56				2390	Tiêm tĩnh mạch 08.2390.0212	X	X	X	X
57				2391	Truyền tĩnh mạch 08.2391.0215	X	X	X	X
XIX. NGOẠI KHOA									
					A. Đầu, thần kinh sọ não				
58				3082	Rạch da đầu rộng trong máu tụ dưới da đầu	X	X	X	
59				3083	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu 08.3083.0546	X	X	X	
					B. Tim mạch - Lồng ngực				
					I. Tim				
60				3214	Khâu vết thương mạch máu chi	X	X		
61				3221	Thắt các động mạch ngoại vi	X	X	X	
					4. Ngực - phổi				
62				3265	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	X	X	X	X
					C. Tiêu hóa - Bụng				
					I. Thực quản				
63				3345	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn tiền đình 1 thì/2 thì	X	X		
64				3346	Xử trí vết thương tăng sinh môn phức tạp 08.3346.0663	X	X		
65				3347	Phẫu thuật sa trực tràng không cắt ruột	X	X		
66				3348	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn 08.3348.0494	X	X		
67				3349	Phẫu thuật rò hậu môn phức tạp hay phẫu thuật lại 08.3349.0494	X	X		
68				3350	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò 08.3350.0494	X	X		
69				3363	Phẫu thuật tạo hình hậu môn kiểu Y-V trong điều trị hẹp hậu môn	X	X		
70				3364	Cắt cơ tròn trong 08.3364.0494	X	X		
71				3365	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên 08.3365.0494	X	X		
72				3366	Phẫu thuật trĩ độ II	X	X		

73				3367	Phẫu thuật trĩ độ III 03.3366.0494/03.3367.0494.	X	X		
74				3368	Phẫu thuật trĩ độ IV 03.3368.0494.	X	X		
75				3369	Cắt bỏ trĩ vòng 03.3369.0494.	X	X		
76				3370	Phẫu thuật lại trĩ chảy máu	X	X		
77				3371	Phẫu thuật trĩ nhồi máu phức tạp 03.3371.0494.	X	X		
78				3372	Phẫu thuật trĩ bằng máy ZZ2D	X	X		
79				3374	Nong hậu môn dưới gây mê	X	X		
80				3375	Nong hậu môn không gây mê	X	X		
81				3376	Thắt trĩ độ I, II	X	X	X	
82				3377	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản 03.3377.0494.	X	X	X	
83				3378	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ 03.3378.0494.	X	X	X	
84				3379	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ 03.3379.0494.	X	X	X	
85				3380	Cắt polype trực tràng 03.3380.0498.	X	X	X	
					5. Bẹn - Bụng				
86				3399	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản 03.3399.0600.	X	X	X	
87				3400	Lấy máu tụ tầng sinh môn 03.3400.0602.	X	X	X	
88				3404	Khâu lại da thì 2, sau nhiễm khuẩn	X	X	X	
89				3406	Chích áp xe tầng sinh môn 03.3406.0600/13.0054.0600.	X	X	X	
90				3407	Phẫu thuật vết thương tầng sinh môn đơn giản	X	X	X	
					Đ. Tiết niệu - Sinh dục				
					3. Bàng quang				
91				3519	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trocar 10.0344.0585.	X	X		
92				3525	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất 10.0353.0158.	X	X		
93				3533	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang 10.0356.0436.	X	X	X	
94				3535	Đặt ống thông bàng quang	X	X	X	X
					4. Niệu đạo				
95				3604	Cắt hẹp bao quy đầu (phimosis) 10.0411.0584.	X	X	X	
96				3606	Nong niệu đạo 03.3606.0156/10.0405.0156.	X	X	X	
					E. Chấn thương - Chỉnh hình				
					9. Phần mềm (da, cơ, gân, thần kinh)				
97				3817	Chích áp xe phần mềm lớn 03.3817.0505.	X	X	X	
98				3825	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm 03.3825.0214/03.3825.0214.	X	X	X	
99				3826	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	X	X	X	X
100				3827	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm 02.3827.0216/03.3827.0216.	X	X	X	X
					10. Nắn - Bó bột				
101				3844	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu 03.3844.0515/03.3844.0516.	X	X	X	
102				3853	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles 03.3853.0521/03.3853.0522.	X	X	X	
					11. Các kỹ thuật khác				

103			3070	Chức năng áp xe lớn, đơn từ	X	X	X	
VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN								
				A. Kỹ thuật chung	X	X	X	X
104			1	Mai hoa châm ✓	X	X	X	X
105			2	Hào châm ✓	X	X	X	X
106			3	Mãng châm ✓	X	X	X	
107			4	Nhĩ châm ✓	X	X	X	X
108			5	Điện châm ✓	X	X	X	X
109			6	Thủy châm ✓	X	X	X	X
110			7	Cây chỉ ✓	X	X	X	
111			8	Ôn châm ✓	X	X	X	X
112			9	Cứu ✓	X	X	X	X
113			10	Chích lẻ ✓	X	X	X	X
114			11	Laser châm ✓	X	X	X	
115			12	Từ châm ✓	X	X	X	X
116			13	Kéo nắn cột sống cổ ✓	X	X	X	
117			14	Kéo nắn cột sống thắt lưng ✓	X	X	X	
118			15	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	X	X	X	
119			16	Nắn, bó gãy xương cẳng tay bằng phương pháp YHCT ✓	X	X	X	
120			17	Nắn, bó gãy xương cánh tay bằng phương pháp YHCT ✓	X	X	X	
121			18	Nắn, bó gãy xương cẳng chân bằng phương pháp YHCT ✓	X	X	X	
122			19	Xông thuốc bằng máy ✓	X	X	X	
123			20	Xông hơi thuốc ✓	X	X	X	X
124			21	Xông khói thuốc ✓	X	X	X	X
125			22	Sắc thuốc thang	X	X	X	X
126			23	Ngâm thuốc YHCT toàn thân ✓	X	X	X	
127			24	Ngâm thuốc YHCT bộ phận ✓	X	X	X	X
128			25	Đặt thuốc <i>YHCT</i>	x	x	x	x
129			26	Bỏ thuốc ✓	X	X	X	X
130			27	Chườm ngải ✓	X	X	X	X
131			28	Luyện tập dưỡng sinh ✓	X	X	X	X
132		483		Xoa bóp bấm huyệt bằng tay ✓				
133		484		Xoa bóp bấm huyệt bằng máy ✓				
				B. Châm tê phẫu thuật ✓				
134			67	Châm tê phẫu thuật cắt bỏ trĩ vòng ✓	X	X		
135			70	Châm tê phẫu thuật cắt trĩ từ 2 bó trở lên ✓	X	X		
136			71	Châm tê phẫu thuật mở thông dạ dày ✓	X	X		
137			74	Châm tê phẫu thuật thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ ✓	X	X		

138				80 ✓	Châm tê phẫu thuật dân cứu nước cứu đang quang				
139				83 ✓	Châm tê phẫu thuật dẫn lưu áp xe khoang retzius	X	X		
140				85 ✓	Châm tê phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo	X	X		
141				86 ✓	Châm tê phẫu thuật cắt hẹp bao quy đầu	X	X		
142				88 ✓	Châm tê phẫu thuật mở rộng lỗ sáo	X	X		
143				101 ✓	Châm tê phẫu thuật khâu vết thương phần mềm vùng đầu - cổ	X	X		
144				102 ✓	Châm tê phẫu thuật cắt u lành dương vật	X	X		
145				103 ✓	Châm tê phẫu thuật cắt u nang thừng tinh	X	X		
146				107 ✓	Châm tê phẫu thuật cắt u lành phần mềm	X	X		
147				109 ✓	Châm tê phẫu thuật cắt u thành âm đạo	X	X		
148				112 ✓	Châm tê phẫu thuật cắt u da đầu lành, đường kính từ 2- 5 cm	X	X		
					C. Điện mẫn châm ✓				
149				114	Điện mẫn châm điều trị hội chứng thất lưng- hông	X	X	X	
150				115	Điện mẫn châm điều trị béo phì ✓	X	X	X	
151				116 ✓	Điện mẫn châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	X	X	X	
152				117 ✓	Điện mẫn châm điều trị hội chứng- dạ dày tá tràng	X	X	X	
153				118 ✓	Điện mẫn châm điều trị sa dạ dày	X	X	X	
154				119 ✓	Điện mẫn châm điều trị tâm căn suy nhược	X	X	X	
155				120 ✓	Điện mẫn châm điều trị trĩ	X	X	X	
156				121 ✓	Điện mẫn châm phục hồi chức năng vận động cho trẻ bại liệt	X	X	X	
157				122 ✓	Điện mẫn châm điều trị liệt do bệnh cơ ở trẻ em	X	X	X	
158				123 ✓	Điện mẫn châm điều trị liệt do tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ em	X	X	X	
159				124 ✓	Điện mẫn châm điều trị sa tử cung	X	X	X	
160				125 ✓	Điện mẫn châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	X	X	X	
161				126	Điện mẫn châm điều trị đái dầm ✓	X	X	X	
162				127 ✓	Điện mẫn châm điều trị thông kinh	X	X	X	
163				128 ✓	Điện mẫn châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	X	X	X	
164				129 ✓	Điện mẫn châm điều trị hội chứng tiền đình	X	X	X	
165				130 ✓	Điện mẫn châm điều trị hội chứng vai gáy	X	X	X	
166				131 ✓	Điện mẫn châm điều trị hen phế quản	X	X	X	
167				132 ✓	Điện mẫn châm điều trị huyết áp thấp	X	X	X	
168				133 ✓	Điện mẫn châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	X	X	X	
169				134 ✓	Điện mẫn châm điều trị tắc tia sữa	X	X	X	
170				135	Điện mẫn châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn ✓	X	X	X	
171				136 ✓	Điện mẫn châm điều trị thất vận ngôn	X	X	X	

173				138 ✓	Điện mẫn châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X	X	
174				139 ✓	Điện mẫn châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng do chấn thương sọ não	X	X	X	
175				140 ✓	Điện mẫn châm điều trị khàn tiếng	X	X	X	
176				141 ✓	Điện mẫn châm điều trị liệt chi trên	X	X	X	
177				142 ✓	Điện mẫn châm điều trị liệt chi dưới	X	X	X	
178				143 ✓	Điện mẫn châm điều trị đau hồ mắt	X	X	X	
179				144 ✓	Điện mẫn châm điều trị viêm kết mạc	X	X	X	
180				145 ✓	Điện mẫn châm điều trị giảm thị lực	X	X	X	
181				146	Điện mẫn châm điều trị ✓	X	X	X	
182				147	Điện mẫn châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	X	X	X	
183				148	Điện mẫn châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	X	X	X	
184				149	Điện mẫn châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	X	X	X	
185				150 ✓	Điện mẫn châm điều trị táo bón kéo dài	X	X	X	
186				151 ✓	Điện mẫn châm điều trị viêm mũi xoang	X	X	X	
187				152 ✓	Điện mẫn châm điều trị rối loạn tiêu hóa	X	X	X	
188				153 ✓	Điện mẫn châm điều trị đau răng	X	X	X	
189				154 ✓	Điện mẫn châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp	X	X	X	
190				155 ✓	Điện mẫn châm điều trị viêm quanh khớp vai	X	X	X	
191				156 ✓	Điện mẫn châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp	X	X	X	
192				157 ✓	Điện mẫn châm điều trị đau lưng	X	X	X	
193				158 ✓	Điện mẫn châm điều trị di tinh	X	X	X	
194				159 ✓	Điện mẫn châm điều trị liệt dương	X	X	X	
195				160 ✓	Điện mẫn châm điều trị rối loạn tiểu tiện	X	X	X	
196				161	Điện mẫn châm điều trị bí đái cơ năng ✓	X	X	X	
					D. Điện nhĩ châm ✓				
197				162 ✓	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình	X	X	X	
198				163 ✓	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	X	X	X	
199				164 ✓	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	X	X	X	
200				165 ✓	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	X	X	X	
201				166 ✓	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên	X	X	X	
202				167 ✓	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa	X	X	X	
203				168 ✓	Điện nhĩ châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	X	X	X	
204				169 ✓	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu đầu, đau nửa đầu	X	X	X	
205				170 ✓	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	X	X	X	
206				171 ✓	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress	X	X	X	
207				172 ✓	Điện nhĩ châm điều trị nôn	X	X	X	

209				174 ✓	Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo	X	X	X	
210				175 ✓	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị viêm Amidan	X	X	X	
211				176 ✓	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	X	X	X	
212				177 ✓	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	X	X	X	
213				178 ✓	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng dạ dày-tá tràng	X	X	X	
214				179 ✓	Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	X	X	X	
215				180 ✓	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	X	X	X	
216				181 ✓	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tự kỷ ở trẻ em	X	X	X	
217				182 ✓	Điện nhĩ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	X	X	X	
218				183 ✓	Điện nhĩ châm điều trị phục hồi chức năng ở trẻ bại não	X	X	X	
219				184 ✓	Điện nhĩ châm điều trị cơn đau quận thận	X	X	X	
220				185 ✓	Điện nhĩ châm điều trị viêm bàng quang	X	X	X	
221				186 ✓	Điện nhĩ châm điều trị di tinh	X	X	X	
222				187 ✓	Điện nhĩ châm điều trị liệt dương	X	X	X	
223				188 ✓	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	X	X	X	
224				189 ✓	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng	X	X	X	
225				190 ✓	Điện nhĩ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	X	X	X	
226				191 ✓	Điện nhĩ châm điều trị sa tử cung	X	X	X	
227				192 ✓	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	X	X	X	
228				193 ✓	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn	X	X	X	
229				194 ✓	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V	X	X	X	
230				195 ✓	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X	X	
231				196 ✓	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	X	X	X	
232				197 ✓	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	X	X	X	
233				198 ✓	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	X	X	X	
234				199 ✓	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	X	X	X	
235				200 ✓	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	X	X	X	
236				201 ✓	Điện nhĩ châm điều trị thống kinh	X	X	X	
237				202 ✓	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	X	X	X	
238				203 ✓	Điện nhĩ châm điều trị đau hồ mắt	X	X	X	
239				204 ✓	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	X	X	X	
240				205 ✓	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	X	X	X	
241				206 ✓	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	X	X	X	
242				207	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	X	X	X	
243				208 ✓	Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài	X	X	X	

245				210	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	X	X	X
246				211 ✓	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu	X	X	X
247				212 ✓	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	X	X	X
248				213 ✓	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	X	X	X
249				214	Điện nhĩ châm điều trị nghiện rượu	X	X	X
250				215	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	X	X	X
251				216	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai	X	X	X
252				217 ✓	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	X	X	X
253				218 ✓	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	X	X	X
254				219 ✓	Điện nhĩ châm điều trị ù tai	X	X	X
255				220 ✓	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	X	X	X
256				221 ✓	Điện nhĩ châm điều trị liệt rễ, đám rối dây thần kinh	X	X	X
257				222 ✓	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông	X	X	X
258				223 ✓	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	X	X	X
259				224 ✓	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do ung thư	X	X	X
260				225 ✓	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do Zona	X	X	X
261				226 ✓	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây thần kinh	X	X	X
262				227 ✓	Điện nhĩ châm điều trị chứng tic cơ mặt	X	X	X
					Đ. Cây chỉ			
263				228	Cây chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não ✓	X	X	X
264				229	Cây chỉ điều trị tâm căn suy nhược ✓	X	X	X
265				230	Cây chỉ điều trị viêm mũi dị ứng ✓	X	X	X
266				231	Cây chỉ điều trị sa dạ dày ✓	X	X	X
267				232	Cây chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng ✓	X	X	X
268				233	Cây chỉ điều trị mày đay ✓	X	X	X
269				234	Cây chỉ hỗ trợ điều trị vẩy nến ✓	X	X	X
270				235	Cây chỉ điều trị giảm thính lực ✓	X	X	X
271				236	Cây chỉ điều trị giảm thị lực ✓	X	X	X
272				237	Cây chỉ điều trị hội chứng tự kỷ ✓	X	X	X
273				238	Cây chỉ điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em ✓	X	X	X
274				239	Cây chỉ điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não ✓	X	X	X
275				240	Cây chỉ châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não ✓	X	X	X
276				241	Cây chỉ điều trị hội chứng thắt lưng- hông ✓	X	X	X
277				242	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu ✓	X	X	X
278				243	Cây chỉ điều trị mất ngủ ✓	X	X	X
279				244	Cây chỉ điều trị nấc ✓	X	X	X
280				245	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền đình ✓	X	X	X

Cây chỉ ở HC vai gáy

282				247	Cây chỉ điều trị hen phế quản ✓	X	X	X	
283				248	Cây chỉ điều trị huyết áp thấp ✓	X	X	X	
284				249	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên ✓	X	X	X	
285				250	Cây chỉ điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính ✓	X	X	X	
286				251	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn ✓	X	X	X	
287				252	Cây chỉ điều trị thất vận ngôn ✓	X	X	X	
288				253	Cây chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống ✓	X	X	X	
289				254	Cây chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não ✓	X	X	X	
290				255	Cây chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp ✓	X	X	X	
291				256	Cây chỉ điều trị khàn tiếng ✓	X	X	X	
292				257	Cây chỉ điều trị liệt chi trên ✓	X	X	X	
293				258	Cây chỉ điều trị liệt chi dưới ✓	X	X	X	
294				259	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	X	X	X	
295				260	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện thuốc lá	X	X	X	
296				261	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện rượu	X	X	X	
297				262	Cây chỉ điều trị viêm mũi xoang ✓	X	X	X	
298				263	Cây chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa ✓	X	X	X	
299				264	Cây chỉ điều trị táo bón kéo dài ✓	X	X	X	
300				265	Cây chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp ✓	X	X	X	
301				266	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai ✓	X	X	X	
302				267	Cây chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp ✓	X	X	X	
303				268	Cây chỉ điều trị đau lưng ✓	X	X	X	
304				269	Cây chỉ điều trị đái dầm ✓	X	X	X	
305				270	Cây chỉ điều trị cơn động kinh cục bộ ✓	X	X	X	
306				271	Cây chỉ điều trị rối loạn kinh nguyệt ✓	X	X	X	
307				272	Cây chỉ điều trị đau bụng kinh	X	X	X	
308				273	Cây chỉ điều trị sa tử cung ✓	X	X	X	
309				274	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh ✓	X	X	X	
310				275	Cây chỉ điều trị di tinh ✓	X	X	X	
311				276	Cây chỉ điều trị liệt dương ✓	X	X	X	
312				277	Cây chỉ điều trị rối loạn tiêu tiện không tự chủ ✓	X	X	X	
					E. Điện châm ✓				
313				278	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	X	X	X	X
314				279	Điện châm điều trị huyết áp thấp	X	X	X	X
315				280✓	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	X	X	X	X
316				281	Điện châm điều trị hội chứng stress	X	X	X	X
317				282	Điện châm điều trị cảm mạo ✓	X	X	X	X

						^	^	^	^
319				284	Điện châm điều trị trĩ	X	X	X	X
320				285	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	X	X	X	X
321				286	Điện châm điều trị hỗ trợ bệnh tự kỷ trẻ em	X	X	X	X
322				287	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	X	X	X	X
323				288	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	X	X	X	X
324				289	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	X	X	X	X
325				290	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	X	X	X	X
326				291	Điện châm điều trị viêm bàng quang	X	X	X	X
327				292	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	X	X	X	X
328				293	Điện châm điều trị bí đái cơ năng ✓	X	X	X	X
329				294	Điện châm điều trị sa tử cung	X	X	X	X
330				295	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	X	X	X	X
331				296	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X	X	X
332				297	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	X	X	X	X
333				298	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	X	X	X	X
334				299	Điện châm điều trị khàn tiếng	X	X	X	X
335				300	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	X	X	X	X
336				301	Điện châm điều trị liệt chi trên	X	X	X	X
337				302	Điện châm điều trị chấp lẹo	X	X	X	X
338				303	Điện châm điều trị đau hồ mắt	X	X	X	X
339				304	Điện châm điều trị viêm kết mạc	X	X	X	X
340				305	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	X	X	X	X
341				306	Điện châm điều trị lác cơ năng	X	X	X	X
342				307	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	X	X	X	X
343				308	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	X	X	X	X
344				309	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	X	X	X	X
345				310	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	X	X	X	X
346				311	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	X	X	X	X
347				312	Điện châm điều trị đau răng	X	X	X	X
348				313	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	X	X	X	X
349				314	Điện châm điều trị ù tai	X	X	X	X
350				315	Điện châm điều trị giảm khứu giác	X	X	X	X
351				316	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	X	X	X	X
352				317	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	X	X	X	X
353				318	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	X	X	X	X
354				319	Điện châm điều trị giảm đau do zona	X	X	X	X

355				320	Điện châm điều trị liệt do viêm đa xơ, đa dây thần kinh	^	^	^	^
356				321	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	X	X	X	X
					G. Thủy châm ✓				
357				322 ✓	Thủy châm điều trị hội chứng thất lưng- hông	X	X	X	X
358				323 ✓	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	X	X	X	
359				324	Thủy châm điều trị mất ngủ	X	X	X	X
360				325 ✓	Thủy châm điều trị hội chứng stress	X	X	X	
361				326	Thủy châm điều trị nấc	X	X	X	X
362				327 ✓	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm	X	X	X	X
363				328 ✓	Thủy châm điều trị viêm amydan	X	X	X	X
364				329	Thủy châm điều trị béo phì	X	X	X	X
365				330	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	X	X	X	X
366				331 ✓	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	X	X	X	X
367				332	Thủy châm điều trị sa dạ dày	X	X	X	
368				333 ✓	Thủy châm điều trị trĩ	X	X	X	
369				334	Thủy châm hỗ trợ điều trị bệnh vẩy nến	X	X	X	
370				335	Thủy châm điều trị mày đay	X	X	X	X
371				336 ✓	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	X	X	X	X
372				337	Thủy châm điều trị tâm căn suy nhược	X	X	X	
373				338 ✓	Thủy châm điều trị bại liệt trẻ em	X	X	X	X
374				339 ✓	Thủy châm điều trị giảm thính lực	X	X	X	
375				340	Thủy châm điều trị liệt trẻ em	X	X	X	X
376				341 ✓	Thủy châm điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	X	X	X	
377				342 ✓	Thủy châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	X	X	X	
378				343 ✓	Thủy châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	X	X	X	
379				344	Thủy châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	X	X	X	
380				345	Thủy châm điều trị cơn động kinh cục bộ	X	X	X	
381				346	Thủy châm điều trị sa tử cung	X	X	X	
382				347 ✓	Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	X	X	X	X
383				348 ✓	Thủy châm điều trị thống kinh	X	X	X	X
384				349	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	X	X	X	X
385				350 ✓	Thủy châm điều trị đái dầm	X	X	X	X
386				351 ✓	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	X	X	X	X
387				352 ✓	Thủy châm điều trị đau vai gáy	X	X	X	X
388				353 ✓	Thủy châm điều trị hen phế quản	X	X	X	X
389				354 ✓	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	X	X	X	X
390				355 ✓	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	X	X	X	X

				350 ✓ Thủy châm điều trị nội đau thần kinh VII ngoại biên	X	X	X	X
392				357 ✓ Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	X	X	X	X
393				358 ✓ Thủy châm điều trị thất vận ngôn	X	X	X	
394				359 ✓ Thủy châm điều trị đau dây V	X	X	X	
395				360 ✓ Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X	X	
396				361 Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não	X	X	X	
397				362 Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp	X	X	X	
398				363 ✓ Thủy châm điều trị khàn tiếng	X	X	X	
399				364 Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	X	X	X	
400				365 ✓ Thủy châm điều trị liệt chi trên	X	X	X	X
401				366 ✓ Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới	X	X	X	X
402				367 Thủy châm điều trị sụp mí	X	X	X	X
403				368 Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	X	X	X	X
404				369 Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	X	X	X	X
405				370 Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	X	X	X	X
406				371 Thủy châm điều trị viêm mũi xoang	X	X	X	X
407				372 Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa	X	X	X	X
408				373 ✓ Thủy châm điều trị đau răng	X	X	X	X
409				374 Thủy châm điều trị táo bón kéo dài	X	X	X	X
410				375 Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	X	X	X	X
411				376 ✓ Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp	X	X	X	X
412				377 Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	X	X	X	X
413				378 ✓ Thủy châm điều trị đau lưng	X	X	X	X
414				379 Thủy châm điều trị sụp mí	X	X	X	
415				380 ✓ Thủy châm điều trị đau hồ mắt	X	X	X	
416				381 Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	X	X	X	
417				382 ✓ Thủy châm điều trị lác cơ năng	X	X	X	
418				383 ✓ Thủy châm điều trị giảm thị lực	X	X	X	
419				384 Thủy châm điều trị viêm bàng quang	X	X	X	
420				385 ✓ Thủy châm điều trị di tinh	X	X	X	
421				386 Thủy châm điều trị liệt dương	X	X	X	
422				387 Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện	X	X	X	
423				388 ✓ Thủy châm điều trị bí đái cơ năng	X	X	X	X
				H. Xoa bóp bấm huyệt ✓				
424				389 Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	X	X	X	X
425				390 Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	X	X	X	X
426				391 Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	X	X	X	X

427				392	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nội chung thất lưng- nong	Λ	Λ	Λ	Λ
428				393	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	X	X	X	X
429				394	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	X	X	X	X
430				395	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	X	X	X	X
431				396	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	X	X	X	X
432				397	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	X	X	X	X
433				398	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	X	X	X	X
434				399	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	X	X	X	
435				400	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	X	X	X	X
436				401	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	X	X	X	X
437				402	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	X	X	X	X
438				403	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện rượu	X	X	X	X
439				404	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	X	X	X	X
440				405	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	X	X	X	X
441				406	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	X	X	X	X
442				407	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	X	X	X	X
443				408	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	X	X	X	X
444				409	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	X	X	X	X
445				410	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	X	X	X	X
446				411	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	X	X	X	X
447				412	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	X	X	X	X
448				413	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	X	X	X	X
449				414	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	X	X	X	X
450				415	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí	X	X	X	X
451				416	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	X	X	X	X
452				417	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	X	X	X	X
453				418	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	X	X	X	X
454				419	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	X	X	X	X
455				420	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	X	X	X	X
456				421	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	X	X	X	X
457				422	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	X	X	X	X
458				423	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	X	X	X	X
459				424	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	X	X	X	X
460				425	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	X	X	X	X
461				426	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	X	X	X	X
462				427	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc	X	X	X	X
463				428	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	X	X	X	X
464				429	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	X	X	X	X

					Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	X	X	X	X
466				431	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	X	X	X	X
467				432	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	X	X	X	X
468				433	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt	X	X	X	X
469				434	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	X	X	X	X
470				435	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	X	X	X	X
471				436	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	X	X	X	X
472				437	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	X	X	X	X
473				438	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	X	X	X	X
474				439	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	X	X	X	X
475				440	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá	X	X	X	X
476				441	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông	X	X	X	X
477				442	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	X	X	X	X
478				443	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	X	X	X	
479				444	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	X	X	X	X
480				445	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	X	X	X	X
481				446	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	X	X	X	X
482				447	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	X	X	X	X
483				448	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	X	X	X	X
484				449	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	X	X	X	X
485				450	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	X	X	X	
					I. Cứu				
486				451	Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn ✓	X	X	X	X
487				452	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn ✓	X	X	X	X
488				453	Cứu điều trị nấc thể hàn ✓	X	X	X	X
489				454	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn ✓	X	X	X	X
490				455	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn ✓	X	X	X	X
491				456	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn ✓	X	X	X	X
492				457	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn ✓	X	X	X	X
493				458	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn ✓	X	X	X	X
494				459	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn ✓	X	X	X	X
495				460	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn ✓	X	X	X	X
496				461	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn ✓	X	X	X	X
497				462	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn ✓	X	X	X	X
498				463	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn ✓	X	X	X	X
499				464	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não ✓	X	X	X	X

500				465	Cứu điều trị liệt dương thể hàn ✓	X	X	X	X
501				466	Cứu điều trị liệt dương thể hàn ✓	X	X	X	X
502				467	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn ✓	X	X	X	X
503				468	Cứu điều trị bí đái thể hàn ✓	X	X	X	X
504				469	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn ✓	X	X	X	X
505				470	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn ✓	X	X	X	X
506				471	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn ✓	X	X	X	X
507				472	Cứu điều trị đái dầm thể hàn ✓	X	X	X	X
508				473	Cứu điều trị đau lưng thể hàn ✓	X	X	X	X
509				474	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn ✓	X	X	X	X
510				475	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	X	X	X	X
511				476	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn ✓	X	X	X	X
512				477	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	X	X	X	X
513				478	Cứu hỗ trợ điều trị nghiện ma túy thể hàn	X	X	X	X
					K. Giác hơi ✓				
514				479 ✓	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	X	X	X	X
515				480 ✓	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	X	X	X	X
516				481 ✓	Giác hơi điều trị các chứng đau	X	X	X	X
517				482 ✓	Giác hơi điều trị cảm cúm	X	X	X	X
IX. GÂY MÊ HỒI SỨC									
518				6	Cấp cứu cao huyết áp	X	X	X	
519				7	Cấp cứu ngừng thở	X	X	X	
520				8	Cấp cứu ngừng tim	X	X	X	
521				10	Cấp cứu tụt huyết áp	X	X	X	
522				97	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	X	X	X	
523				148	Rửa tay phẫu thuật	X	X	X	
524				149	Rửa tay sát khuẩn	X	X	X	
525				150	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu	X	X	X	
526				176	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui	X	X	X	
527				183	Thở oxy gọng kính	X	X	X	
528				195	Truyền dịch thường qui	X	X	X	
529				196	Truyền dịch trong sóc	X	X	X	
530				204	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh	X	X	X	
					B. Gây mê				
531				560	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	X	X	X	
532				726	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	X	X	X	
533				727	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	X	X	X	

					899	Gây mê phẫu thuật điều trị nội chứng ống cổ tay	X	X	X	
535					899	Gây mê phẫu thuật khâu da thì II	X	X	X	
536					1107	Gây mê phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	X	X		
537					1109	Gây mê phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	X	X	X	
538					1132	Gây mê phẫu thuật mở cơ trực tràng hoặc cắt cơ trực tràng và cơ tròn trong để điều trị co thắt cơ tròn trong	X	X		
						C. Hồi sức				
539					1962	Hồi sức phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	X	X	X	
540					1963	Hồi sức phẫu thuật cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	X	X		
541					2163	Hồi sức phẫu thuật điều trị sa trực tràng của đường hậu môn	X	X	X	
542					2313	Hồi sức phẫu thuật hội chứng ống cổ tay	X	X	X	
543					2475	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật trực tràng	X	X		
544					2525	Hồi sức phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	X	X		
545					2527	Hồi sức phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	X	X	X	
546					2535	Hồi sức phẫu thuật loại 3	X	X	X	
547					3086	Gây tê phẫu thuật bảo tồn	X	X	X	
548					3142	Gây tê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	X	X	X	
549					3150	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	X	X	X	
550					3168	Gây tê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	X	X	X	
551					3943	Gây tê phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	X	X		
552					3945	Gây tê phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	X	X	X	
553					3968	Gây tê phẫu thuật mở cơ trực tràng hoặc cắt cơ trực tràng và cơ tròn trong để điều trị co thắt cơ tròn trong	X	X		
554					4439	Gây tê phẫu thuật nong niệu đạo	X	X		
555					4445	Gây tê phẫu thuật tạo hình âm đạo + tăng sinh môn	X	X		
X. NGOẠI KHOA										
						C. Tiết niệu - Sinh dục				
						3. Bàng quang				
556					356	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang ✓	X	X	X	
557					359	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	X	X	X	
558					353	Bơm rửa BQ, bơm hóa chất ✓	x	x		
						5. Sinh dục				
559					405	Nong niệu đạo ✓	X	X	X	
560					410	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	X	X	X	
561					411	Cắt hẹp bao quy đầu	X	X	X	X
562					412	Mở rộng lỗ sáo	X	X	X	X

						6. Trục tràng				
563				533	Cắt u, polyp trục tràng đường hậu môn ✓	X				
564				536	Phẫu thuật điều trị sa trục tràng qua đường hậu môn	X				
565				544	Phẫu thuật điều trị rò trục tràng – tăng sinh môn ✓	X				
566				546	Các phẫu thuật trục tràng khác	X				
					7. Tăng sinh môn					
567				547	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ ✓	X				
568				548	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch ✓	X				
569				549	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan – Morgan hoặc Ferguson)	X	X	X		
570				550	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ ✓	X	X	X		
571				551	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng ✓	X	X			
572				556	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp ✓	X	X			
573				557	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản ✓	X				
574				561	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3 giờ và 9 giờ)	X	X	X		
575				562	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong vị trí 6 giờ, tạo hình hậu môn	X				
576				563	Điều trị hẹp hậu môn bằng cắt vòng xơ, tạo hình hậu môn	X				
577				566	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)	X	X	X		
578				567	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	X	X	X		
579				569	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn ✓	X	X	X		
580				570	Phẫu thuật điều trị đại tiện mất tự chủ ✓	X	X			
581				571	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tăng sinh môn đơn giản ✓	X	X			
582				572	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tăng sinh môn phức tạp ✓	X	X			
583				573	Các phẫu thuật hậu môn khác	X	X	X		
584		262			Cắt trĩ từ 2 bó trở lên					
585		180			Cắt bỏ trĩ vòng					
586			24		Cắt u trục tràng ống hậu môn đường dưới					
587			28		Phẫu thuật cắt dò hậu môn phức tạp hay phẫu thuật lại					
588			38		Phẫu thuật cắt dò hậu môn các loại					
589			47		Phẫu thuật áp xe hậu môn đơn giản					
590			50		Phẫu thuật áp xe hậu môn có lỗ dò					
591	18				Thắt các búi trĩ hậu môn					
592				526	Lấy dị vật trục tràng	X	X	X		
593				536	Phẫu thuật điều trị trục tràng qua đường HM	X				
594				554	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)	X	X			

595				558	Phẫu thuật điều trị dò hậu môn phức tạp	X			
596			64		Cắt trĩ bằng sóng cao tần				
597			44		Phẫu thuật thắt trĩ có kèm bóc trĩ, cắt một bó trĩ				
					G. Chấn thương - chỉnh hình				
					11. Tồn thương phần mềm				
598				807	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	X	X	X	
599	1				Cắt chi				
600	2				Thay băng vết thương chiều dài dưới 15 cm				
601	3				Thay băng vết thương chiều dài trên 15 cm đến 30cm				
602	4				Thay băng vết thương chiều dài từ 30cm đến < 50cm				
603	5				Thay băng vết thương chiều dài từ <30cm nhiễm trùng				
604	6				Thay băng vết thương chiều dài từ 30cm đến 50cm nhiễm trùng				
605	10				Vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài <10cm				
606	11				Vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài >10cm				
607	12				Vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài <10cm				
608	13				Vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài >10cm				
609	14				Cắt bỏ những u nhỏ, cyst, sẹo của da, tổ chức dưới da				
610	15				Chích rạch nốt, apxe nhỏ dẫn lưu				
					12. Vùng cổ tay - bàn tay				
611				953	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ ngón chân(1 ngón)	X	X		
612				832	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	X	X		
613				833	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	X	X		
614				834	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	X	X		
615				149	Phẫu thuật giải phóng chèn ép TK ngoại biên	X	X		
					16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác				
616				954	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	X	X	X	
617				955	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	X	X		
					17. Nắn - bó bột				
618				995	Nắn, bó bột trật khớp vai	X	X		
619				997	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	X	X		
620				998	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	X	X		
621				999	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	X	X		
622				1000	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	X	X		
623				1004	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên 2 xương cánh tay	X	X		
624				1005	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa 2 xương cánh tay	X	X		
625				1006	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới 2 xương cánh tay	X	X		
626				1007	Nắn, bó bột gãy 1 xương cẳng tay	X	X		
627				1008	Nắn, bó bột gãy 2 xương cẳng tay	X	X		

628				1009	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	X	X		
629				1018	Nắn, bó bột trật khớp gối	X	X		
630				1019	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên 2 xương cẳng chân	X	X		
631				1020	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa 2 xương cẳng chân	X	X		
632				1021	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới 2 xương cẳng chân	X	X		
633				1022	Nắn, bó bột gãy xương chày	X	X		
634				1028	Nắn, bó bột gãy bàn chân	X	X		
635				1029	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	X	X		
636				1030	Nắn, cố định trật khớp hàm	X	X		
637				1031	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	X	X		
638	19				Nắn trật khớp khuỷu tay/ khớp xương đòn/ khớp hàm (bột tự cán)				
639	21				Nắn trật khớp vai (bột tự cán)				
640	22				Nắn trật khớp vai (bột liền)				
XI. BÔNG									
					C. Điều trị vết thương mãn tính				
641				116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	X	X	X	
XV. TAI - MŨI - HỌNG									
					A. Tai - Tai thần kinh				
642				58	Làm thuốc tai	X	X	X	X
643				59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	X	X	X	X
					C. Họng - Thanh quản				
644				212	Lấy dị vật họng miệng	X	X	X	X
XVI. RĂNG - HÀM - MẶT									
					A. Răng				
645				39.	Điều trị áp xe quanh răng cấp	X	X		
646				40.	Điều trị áp xe quanh răng mạn	X	X		
647				41.	Điều trị viêm quanh răng	X	X	X	
648				42.	Chích áp xe lợi	X	X	X	X
649				43.	Lấy cao răng	X	X	X	X
650				50.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	X	X		
651				57.	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	X	X	X	X
652				58.	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn	X	X		
653				61.	Điều trị tủy lại	X	X		
654				67.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GIC) kết hợp Composite	X	X		
655				68.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	X	X	X	
656				69.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam	X	X	X	X

657				70.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement	X	X	X	X
658				71.	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement	X	X	X	
659				72.	Phục hồi cổ răng bằng Composite	X	X	X	
660				78.	Veneer Composite trực tiếp	X	X	X	
661				82.	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc	X	X	X	
662				83.	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt	X	X	X	
663				84.	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	X	X	X	X
664				104.	Chụp nhựa	X	X	X	
665				105.	Chụp kim loại	X	X	X	
666				106.	Chụp hợp kim thường cần nhựa	X	X	X	
667				107.	Chụp hợp kim thường cần sứ	X	X	X	
668				108.	Chụp hợp kim Titanium cần sứ	X	X	X	
669				109.	Chụp sứ toàn phần	X	X	X	
670				110.	Chụp kim loại quý cần sứ	X	X	X	
671				111.	Chụp sứ Cercon	X	X		
672				112.	Cầu nhựa	X	X	X	X
673				113.	Cầu hợp kim thường	X	X	X	
674				114.	Cầu kim loại cần nhựa	X	X	X	
675				115.	Cầu kim loại cần sứ	X	X	X	
676				116.	Cầu hợp kim Titanium cần sứ	X	X	X	
677				117.	Cầu kim loại quý cần sứ	X	X	X	
678				118.	Cầu sứ toàn phần	X	X	X	
679				119.	Cầu sứ Cercon	X	X		
680				120.	Chốt cùi đúc kim loại	X	X		
681				121.	Cùi đúc Titanium	X	X		
682				122.	Cùi đúc kim loại quý	X	X		
683				127.	Veneer Composite gián tiếp	X	X	X	
684				128.	Veneer sứ toàn phần	X	X	X	
685				129.	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường	X	X	X	X
686				130.	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường	X	X	X	X
687				131.	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo	X	X	X	
688				132.	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo	X	X	X	
689				133.	Hàm khung kim loại	X	X	X	
690				134.	Hàm khung Titanium	X	X		
691				136.	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng	X	X	X	X
692				137.	Tháo cầu răng giả	X	X	X	
693				138.	Tháo chụp răng giả	X	X	X	
694				139.	Sửa hàm giả gãy	X	X	X	X

696				140.	1 nem rang cho nam gia nao lap		^	^	^	^
697				141.	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	X	X	X	X	X
698	1264			142.	Đệm hàm nhựa thường	X	X	X	X	X
699	1278				Răng giả cố định một trụ thép					
700	1279				Làm lại hàm					
701	1280				Sửa hàm					
702					Gắn lại chụp, hàm					
703				196.	Mài chỉnh khớp cắn	X				
704				203.	Nhổ răng vĩnh viễn	X	X	X		
705				204.	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	X	X	X		
706	4			205.	Nhổ chân răng vĩnh viễn	X	X	X		
707	5				Lấy cao răng và đánh bóng 1 vùng/ một hàm					
708	6				Lấy cao răng và đánh bóng hai hàm					
709	7				Rửa chấm thuốc điều trị viêm loét niêm mạc (1 lần)					
710					Răng giả tháo lắp 1 răng					
711	1241			221.	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	X	X	X		
712	1244				Điều trị tủy lại					
713	2145				Điều trị tủy răng số 1,2,3					
714	1246				Điều trị tủy răng số 4,5					
715	1247				Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới					
716	1251				Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên					
717					Hàn răng sửa sâu ngà					
718				222.	Trám bít hố rãnh với Glasslonomer Cement quang trùng hợp	X	X	X		
719				223.	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	X	X	X		
720				224.	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	X	X	X		
721				226.	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement	X	X	X	X	
722				227.	Hàn răng không sang chấn với Glasslonomer Cement	X	X	X	X	
723				230.	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	X	X	X		
724				231.	Lấy tủy buồng răng sữa	X	X	X		
725				232.	Điều trị tủy răng sữa	X	X	X		
726				233.	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	X	X	X		
727				235.	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam	X	X	X	X	
728				236.	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement	X	X	X	X	
729				237.	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn	X	X	X		
730				238.	Nhổ răng sữa	X	X	X	X	
731				239.	Nhổ chân răng sữa	X	X	X	X	
				240.	Chích Apxe lợi trẻ em	X	X	X	X	

						A. Vật lý trị liệu (Nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)				
732					1	Điều trị bằng sóng ngắn	X	X	X	
733					3	Điều trị bằng vi sóng	X	X		
734					5 ✓	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	X	X		
735					6 ✓	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	X	X	X	
736					7	Điều trị bằng các dòng điện xung	X	X	X	
737					8	Điều trị bằng siêu âm	X	X	X	
738					10	Điều trị bằng dòng giao thoa	X	X	X	
739	1743				11	Điều trị bằng tia hồng ngoại	X	X	X	
740					12	Điều trị bằng Laser công suất thấp (laser nội mạch, laser châm, laser he- ne...)	X	X		
741					16	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)	X	X	X	X
742					17	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)	X	X	X	X
743					18 ✓	Điều trị bằng Parafin	X	X	X	X
744					20	Điều trị bằng xông hơi (tắm hơi)	X	X	X	
745					22	Thủy trị liệu toàn thân (bể bơi, bồn ngâm)	X	X	X	
746					26 ✓	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	X	X	X	
						B. Vận động trị liệu (Nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
747					31	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người	X	X	X	X
748					33	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	X	X	X	X
749					34	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	X	X	X	X
750					35	Tập lăn trở khi nằm	X	X	X	X
751					36	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi	X	X	X	X
752					37	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động	X	X	X	X
753					38	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng	X	X	X	X
754					39	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	X	X	X	X
755					40	Tập dáng đi	X	X	X	X
756					41	Tập đi với thanh song song	X	X	X	X
757					42	Tập đi với khung tập đi	X	X	X	X
758					43	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	X	X	X	X
759					44	Tập đi với gậy	X	X	X	X
760					45	Tập đi với bàn xương cá	X	X	X	X
761					46	Tập đi trên máy thảm lăn (treadmill)	X	X	X	X
762					47	Tập lên, xuống cầu thang	X	X	X	X
763					52	Tập vận động thụ động	X	X	X	X

764				55	Tập vận động cơ trợ giúp				
765				54	Tập vận động chủ động	X	X	X	X
766				56	Tập vận động có kháng trở	X	X	X	X
767				57	Tập kéo dẫn	X	X	X	X
768				60	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên	X	X	X	
769				61	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới	X	X	X	
770				63	Tập với thang tường	X	X	X	X
771				65	Tập với ròng rọc	X	X	X	X
772				66	Tập với dụng cụ quay khớp vai	X	X	X	X
773				68	Tập thăng bằng với bàn bập bênh	X	X	X	X
774				70	Tập với ghế tập mạnh cơ tứ đầu đùi	X	X	X	X
775				71	Tập với xe đạp tập	X	X	X	X
776				73	Tập các kiểu thở	X	X	X	X
777				75	Tập ho có trợ giúp	X	X	X	X
778				76	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực	X	X	X	X
779				78	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	X	X	X	X
780				79	Kỹ thuật di động khớp	X	X		
781				80	Kỹ thuật di động mô mềm	X	X		
782				82	Kỹ thuật ức chế co cứng tay	X	X	X	X
783				83	Kỹ thuật ức chế co cứng chân	X	X	X	X
784				85	Kỹ thuật xoa bóp vùng	X	X	X	X
785				86	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	X	X	X	X
786				88	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý	X	X	X	X
787				90	Tập điều hợp vận động	X	X	X	X
788			167		Tập vận động cột sống				
789			168		Kỹ thuật xoa bóp bằng máy				
790			170		Kỹ thuật kiểm soát tư thế (ngồi, bò, đứng, đi)				
791			181		Kỹ thuật ngồi/ đứng dậy từ sàn nhà				
792			184		Kỹ thuật thư giãn				
					C. Hoạt động trị liệu (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
793				92	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	X	X	X	X
794				94	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn	X	X	X	X
795				95	Tập các vận động thô của bàn tay	X	X	X	X
796				96	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	X	X	X	X
797				97	Tập phối hợp hai tay	X	X	X	X
798				98	Tập phối hợp tay mắt	X	X	X	X

800				100	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí)	X	X	X	X
801				101	Tập điều hòa cảm giác	X	X	X	X
802				102	Tập tri giác và nhận thức	X	X	X	X
803				103	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) với các dụng cụ trợ giúp thích nghi				
804			158	✓	Điều trị bằng điện vi dòng				
805			159		Điều trị bằng laser công suất thấp vào điểm vận động và huyết đạo				
806			160		Điều trị bằng laser công suất thấp nội mạch				
807			161	✓	Điều trị chườm ngải cứu				
808			162		Thủy trị liệu có thuốc				
809			189		Kỹ thuật gương trị liệu(Mirror therapy)				
					D. Ngôn ngữ trị liệu (Nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh)				
810				104	Tập nuốt	X	X	X	X
811				105	Tập nói	X	X	X	X
812				106	Tập nhai	X	X	X	X
813				107	Tập phát âm	X	X	X	X
814				109	Tập cho người thất ngôn	X	X	X	X
815				110	Tập luyện giọng	X	X	X	X
816				111	Tập sửa lỗi phát âm	X	X	X	X
					Đ. Kỹ thuật thăm dò, lượng giá, chẩn đoán và điều trị phục hồi chức năng (Nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)				
817			195		Chẩn đoán điện thần kinh cơ				
818			219		Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ I, độ II				
819			220		Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ III				
820			221		Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ IV				
XVIII. ĐIỆN QUANG									
					A. Siêu âm chẩn đoán				
					1. Siêu âm đầu, cổ				
821				1	Siêu âm tuyến giáp	X	X	X	
822				2	Siêu âm các tuyến nước bọt	X	X	X	
823				3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	X	X		
824				4	Siêu âm hạch vùng cổ	X	X		
825				5	Siêu âm đàn hồi nhu mô tuyến giáp	X			
					2. Siêu âm vùng ngực				
826				11	Siêu âm màng phổi	X	X		

828				13	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi	X	X		
					3. Siêu âm ổ bụng				
829				15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	X	X	X	
830				16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	X	X	X	
831				18	Siêu âm tử cung phần phụ	X	X	X	
					4. Siêu âm sản, phụ khoa				
832				30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	X	X	X	
					5. Siêu âm cơ xương khớp				
833				43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	X	X		
834				44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	X	X		
					6. Siêu âm tim, mạch máu				
835				45	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	X	X		
836				49	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	X	X	x	
					7. Siêu âm vú				
837				54	Siêu âm tuyến vú hai bên	X	X		
838				55	Siêu âm Doppler tuyến vú	X	X		
					8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam				
839				57	Siêu âm tinh hoàn hai bên	X	X		
					B. Chụp X-quang chẩn đoán thường quy hoặc kỹ thuật số (CR hoặc DR)				
					1. Chụp X-quang chẩn đoán thường quy				
840				67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	X	X	X	X
841				68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	X	X	X	X
842				69	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	X	X	X	X
843				70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	X	X	X	X
844				71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	X	X	X	
845				72	Chụp Xquang Blondeau	X	X	X	X
846				73	Chụp Xquang Hirtz	X	X	X	X
847				74	Chụp Xquang hàm chéch một bên	X	X	X	
848				75	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	X	X	X	
849				76	Chụp Xquang hồ yên thẳng hoặc nghiêng	X	X	X	X
850				77	Chụp Xquang Chausse III	X	X	X	
851				78	Chụp Xquang Schuller	X	X	X	
852				79	Chụp Xquang Stenvers	X	X	X	
853				80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	X	X	X	
854				86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	X	X	X	X

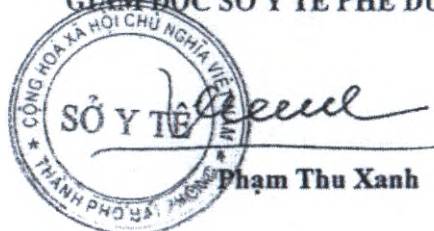
856				88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	X	X	X	
857				89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	X	X	X	
858				90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéo	X	X	X	X
859				91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	X	X	X	X
860				92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéo hai bên	X	X	X	X
861				93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	X	X	X	X
862				94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gấp uốn	X	X	X	
863				95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	X	X	X	
864				96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	X	X	X	
865				97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên	X	X	X	
866				98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	X	X	X	X
867				99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéo	X	X	X	X
868				100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	X	X	X	X
869				101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéo	X	X	X	
870				102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	X	X	X	X
871				103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	X	X	X	X
872				104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo	X	X	X	X
873				105	Chụp Xquang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle)	X	X	X	X
874				106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	X	X	X	X
875				107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	X	X	X	X
876				108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	X	X	X	X
877				109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	X	X	X	X
878				110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	X	X	X	X
879				111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	X	X	X	
880				112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo	X	X	X	X
881				113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	X	X	X	
882				114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	X	X	X	X
883				115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	X	X	X	X
884				116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	X	X	X	X
885				117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	X	X	X	X
886				118	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng	X	X		
887				119	Chụp Xquang ngực thẳng	X	X	X	X
888	1				Chụp Xquang tim phổi thẳng				
889	2				Chụp Xquang tim phổi nghiêng				
890				120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên	X	X	X	X
891				121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	X	X	X	

893	3					Chụp Xquang xương ức hoặc xương sườn				
894					123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	X	X	X	X
895					124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	X	X	X	X
896					125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	X	X	X	X
897					126	Chụp Xquang tuyến vú	X	X		
898	1					Chụp hệ tiết niệu không chuẩn bị				
						2. Chụp X-quang chẩn đoán có chuẩn bị				
899					130	Chụp Xquang thực quản dạ dày	X	X		
900					131	Chụp Xquang ruột non	X	X		
901					132	Chụp Xquang đại tràng	X	X		
XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG										
						A. Tim, mạch				
902					13	Nghiệm pháp dây thất	X	X	X	X
903					14	Điện tim thường	X	X	X	X
						C. Thần kinh, tâm thần				
904					29	Ghi điện cơ	X	X		
XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU										
						A. Xét nghiệm đông máu				
905					19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	X	X	X	X
906					20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	X	X	X	X
907					21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)	X	X	X	X
908					22	Nghiệm pháp dây thắt	X	X	X	X
						B. Sinh hóa huyết học				
909					92	Đo huyết sắc tố niệu	X	X	X	
910					116	Định lượng Ferritin	X	X		
911					117	Định lượng sắt huyết thanh	X	X	X	
						C. Tế bào học				
912					118	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	X	X	X	X
913					119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	X	X	X	X
914					120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	X	X	X	
915					121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	X	X	X	
916	46					Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng hệ thống tự động hoàn toàn				
917					138	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	X	X	X	X
918					139	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)	X	X	X	
919					142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	X	X	X	X

921			151	Cận Addis	X	X	X
				D. Huyết thanh học nhóm máu			
922			288	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	X	X	X
XXIII. HÓA SINH							
				A. Máu			
923			3	Định lượng Acid Uric	X	X	X
924			7	Định lượng Albumin	X	X	X
925			10	Đo hoạt độ Amylase	X	X	X
926			19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	X	X	X
927			20	Đo hoạt độ AST (GOT)	X	X	X
928			25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	X	X	X
929			26	Định lượng Bilirubin gián tiếp	X	X	X
930			27	Định lượng Bilirubin toàn phần	X	X	X
931			29	Định lượng Calci toàn phần	X	X	X
932			30	Định lượng Calci ion hóa	X	X	X
933			41	Định lượng Cholesterol toàn phần	X	X	X
934			42	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)	X	X	
935			51	Định lượng Creatinin	X	X	X
936			58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	X	X	X
937			68	Định lượng FT3	X	X	
938			69	Định lượng FT4	X	X	
939			75	Định lượng Glucose	X	X	X
940			76	Định lượng Globulin	X	X	X
941			77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	X	X	X
942			83	Định lượng HbA1c	X	X	X
943			84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	X	X	X
944			112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	X	X	X
945			133	Định lượng Protein toàn phần	X	X	X
946			143	Định lượng Sắt	X	X	X
947			147	Định lượng T ₃ (Tri iodothyronine)	X	X	
948			148	Định lượng T ₄ (Thyroxine)	X	X	
949			158	Định lượng Triglycerid	X	X	X
950			162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	X	X	
951	36			Định lượng phospho			
952			166	Định lượng Urê	X	X	X

953			172	Điện giải niệu				
954			175	Đo hoạt độ Amylase				
955			176	Định lượng Axít Uric	X	X	X	
956			180	Định lượng Canxi				
957			184	Định lượng Creatinin	X	X	X	
958			185	Định lượng Dưỡng chấp	X	X	X	
959			186	Định tính Dưỡng chấp	X	X	X	
960			187	Định lượng Glucose	X	X	X	
961			201	Định lượng Protein	X	X	X	
962			205	Định lượng Ure	X	X	X	
963			206	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	X	X	X	X
				D. Thủy dịch mắt				
964			220	Phản ứng Rivalta	X	X	X	
XXIV. VI SINH								
				B. Virus				
				2. Hepatitis Virus				
965			117	HBsAg test nhanh	X	X	X	X
966			144	HCV Ab test nhanh	X	X	X	X
				3. HIV				
967			169	HIV Ab test nhanh	X	X	X	X
				C. Ký sinh trùng				
				1. Ký sinh trùng trong phân				
968			263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	X	X	X	X
969			264	Hồng cầu trong phân test nhanh	X	X	X	X
970			265	Đơn bào đường ruột soi tươi	X	X	X	X
971			267	Trứng giun, sán, soi tươi	X	X	X	X
				D. Vi nấm				
972			319	Vi nấm soi tươi	X	X	X	X
973			321	Vi nấm nhuộm soi	X	X	X	

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ PHÊ DUYỆT



UBND TP HẢI PHÒNG
SỞ Y TẾ

Số: 17/2015/HP-GPHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề Y dược, Sở Y tế,

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Cấp lại lần thứ 5

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng**

Hình thức tổ chức: Bệnh viện y học cổ truyền.

Địa chỉ hoạt động: Tổ dân phố Cái Tắt, phường An Hải, thành phố Hải Phòng.

Thời gian làm việc hằng ngày: 24/24 giờ.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Sở Y tế phê duyệt./.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 7 năm 2025



Lê Minh Quang

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám chữa bệnh cơ sở khám, chữa bệnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép hoạt động do thay đổi tên, địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm của Bệnh viện Y học cổ truyền;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý hành nghề Y dược, Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám chữa bệnh đã cấp: Bệnh viện Y học cổ truyền;
- Tên cơ sở khám chữa bệnh thay đổi: Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng;
- Địa chỉ đã cấp: Tổ dân phố Cái Tắt, phường An Đồng, quận An Dương, thành phố Hải Phòng.;
- Địa chỉ thay đổi: Tổ dân phố Cái Tắt, phường An Hải, thành phố Hải Phòng;
- Số GPHE: 17/2015/HP-GPHE do Sở Y tế Hải Phòng cấp;

- Hình thức tổ chức: Bệnh viện y học cổ truyền;
- Thời gian làm việc: 24/24 giờ
- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Sở Y tế phê duyệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược, Nghiệp vụ Y và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- GD và PGD Trần Quốc Trinh;
- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLHN (03).



GIÁM ĐỐC

Lê Minh Quang



Số: 17/2015/HP-GPHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề Y dược, Sở Y tế,

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Cấp lại lần thứ 5

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng

Hình thức tổ chức: Bệnh viện y học cổ truyền.

Địa chỉ hoạt động: Tò dân phố Cái Tắt, phường An Hải, thành phố Hải Phòng.

Thời gian làm việc hằng ngày: 24/24 giờ.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Sở Y tế phê duyệt./.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 7 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Lê Minh Quang

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám chữa bệnh cơ sở khám, chữa bệnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép hoạt động do thay đổi tên, địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm của Bệnh viện Y học cổ truyền;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý hành nghề Y dược, Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám chữa bệnh đã cấp: Bệnh viện Y học cổ truyền;
- Tên cơ sở khám chữa bệnh thay đổi: Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng;
- Địa chỉ đã cấp: Tổ dân phố Cái Tắt, phường An Đồng, quận An Dương, thành phố Hải Phòng.;
- Địa chỉ thay đổi: Tổ dân phố Cái Tắt, phường An Hải, thành phố Hải Phòng;
- Số GPHE: 17/2015/HP-GPHE do Sở Y tế Hải Phòng cấp;

- Hình thức tổ chức: Bệnh viện y học cổ truyền;
- Thời gian làm việc: 24/24 giờ
- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Sở Y tế phê duyệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược, Nghiệp vụ Y và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- GD và PGD Trần Quốc Trinh;
- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLHN (03).



Lê Minh Quang